

CẨM NANG NGHIÊN CỨU ABHIDHAMMA

Bản Tiếng Anh của Venerable Sayādaw U Sīlānanda

Bản Dịch Tiếng Việt của Pháp Triều

Tập Một

MỤC LỤC

[Mục Lục](#)

[Giới Thiệu](#)

[1. Làm Quen](#)

[Hai Trường Phái Của Phật Giáo](#)

[Giáo Lý Của Đức Phật Đã Được Ghi Lại Và Lưu Truyền Như Thế Nào](#)

[Đại Hội Phật Giáo Đầu Tiên](#)

[Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Hai](#)

[Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Ba](#)

[Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Tư](#)

[Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Năm](#)

[Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Sáu](#)

[Những Cách Phân Loại Giáo Lý Của Đức Phật](#)

[Phân Loại Theo Các Nikāya](#)

[Phân Loại Theo Các Piṭaka](#)

[Từ “Abhidhamma”](#)

[Cái Gì Được Giảng Dạy Trong Abhidhamma?](#)

[Abhidhamma là gì?](#)

[Sự Quan Trọng Của Abhidhamma](#)

[Kiến Thức Về Abhidhamma Có Cần Thiết Và Là Căn Bản Cho Thiền Không?](#)

[Abhidhamma Có Cần Thiết Cho Sự Hiểu Biết Giáo Lý Không?](#)

[Đức Phật Đã Dạy Abhidhamma Như Thế Nào](#)

[Bảy Bộ Sách Của Abhidhamma](#)

[Những Chú Giải, Phụ Chú Giải Và Phụ Phụ Chú Giải](#)

[Abhidhammatthasaṅgaha](#)

[Những Buổi Học Ban Đêm](#)

[Những Bản Dịch Sang Tiếng Anh Của Abhidhammatthasaṅgaha](#)

[Một Vài Tài Liệu Tham Khảo](#)

[Hãy Kiên Nhẫn](#)

[Cũng Đừng Sợ Pāli](#)

[2. Hai Loại Sự Thật](#)

[Sự Thật Là Gì?](#)
[Hai Loại Sự Thật Được Chấp Nhận Trong Phật Giáo](#)
[Sự Thật Chế Định](#)
[Nāma-paññatti](#)
[Attha-paññatti](#)
[Paññatti Là Vượt Thời Gian](#)
[Sự Thật Chân Đế](#)
[Bốn Loại Sự Thật Chân Đế](#)
[Citta](#)
[Cetasika](#)
[Rūpa](#)
[Nibbāna](#)
[Tứ Điều Đế Thì Thuộc Vào Những Sự Thật Chân Đế](#)

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Giới Thiệu

1. Làm Quen

Hôm nay chúng ta bắt đầu một lớp học mới về Abhidhamma. Tôi đã dạy Abhidhamma kể từ khi tôi đến nước Mỹ này. Tôi đã dạy khoảng ba hay bốn khóa gì đó và rồi tôi ngưng. Tôi nghĩ đã đến lúc phải dạy lại. Cho nên hôm nay chúng ta có lớp học này.

Hai Trường Phái Của Phật Giáo

Bài giảng hôm nay chỉ là một bài giới thiệu. Tôi gọi là “Làm Quen”, có nghĩa là làm quen với Abhidhamma -- Abhidhamma là gì, các bạn sẽ học được gì trong Abhidhamma, vân vân. Trước khi chúng ta hiểu Abhidhamma là gì, chúng ta nên tìm hiểu hai trường phái lớn của Phật Giáo trên thế giới ngày nay. Trường phái thứ nhất được gọi là Phật Giáo Theravāda hay còn gọi là Phật Giáo Nam Truyền. Trường phái thứ hai được gọi là Phật Giáo Mahāyāna hay còn gọi là Phật Giáo Bắc Truyền. Lúc ban đầu chỉ có một Phật Giáo mà thôi. Nhưng sau đó, sự khác biệt về quan điểm giữa những bậc Trưởng Thượng đã được hình thành. Theo thời gian, những trường phái Phật Giáo khác nhau đã xuất hiện. Ngày nay có hai trường phái chính của Phật Giáo.

Phật Giáo Theravāda được cho là gần nhất với giáo lý nguyên thủy của Đức Phật. Bản thân là một Phật tử Theravāda, tôi tin rằng giáo lý nguyên thủy của Đức Phật được ghi chép trong kinh sách của Phật Giáo Theravāda. Phật Giáo Theravāda đã lan truyền sang khu vực phía nam của

Châu Á, hay nói cách khác là những quốc gia ở phía nam. Cho nên đôi lúc nó được gọi là Phật Giáo Nam Truyền. Điều đó có thể là không chính xác 100%, nhưng mọi người gọi là Phật Giáo Nam Truyền. Phật Giáo Theravāda lan truyền đến Sri Lanka, Miến Điện, Thái Lan, Cam-pu-chia và cũng có đến Việt Nam.

Phật Giáo Mahāyāna là một hình thức sau này của Phật Giáo. Nó khác với Phật Giáo Theravāda ở nhiều phương diện. Nhánh Phật Giáo này lan truyền sang các quốc gia phía bắc. Khi nói phía bắc, ý của tôi là tính từ Trung Ấn Độ. Trường phái này lan truyền sang các quốc gia phía bắc như Nepal, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên và cuối cùng là Nhật Bản. Bởi vì đây là những quốc gia phía bắc, cho nên đôi lúc nhánh này được gọi là Phật Giáo Bắc Truyền.

Đôi lúc Phật Giáo Theravāda được gọi là Phật Giáo Pāli, và Phật Giáo Mahāyāna được gọi là Phật Giáo Sanskrit, bởi vì chúng đã tiếp nhận Pāli và Sanskrit như là ngôn ngữ thiêng liêng tương ứng của chúng.

Cả hai Theravāda và Mahāyāna đều có Abhidhamma. Abhidhamma mà các bạn học với tôi là Abhidhamma của Theravāda. Tôi thuộc về trường phái Theravāda. Tôi là một tu sĩ theo trường phái Theravāda. Tôi biết Abhidhamma của Theravāda và tôi không mấy quen thuộc với Abhidhamma của những trường phái khác. Cho nên Abhidhamma mà các bạn sẽ học với tôi là Abhidhamma được dạy trong Phật Giáo Theravāda.

Giáo Lý Của Đức Phật Đã Được Ghi Lại Và Lưu Truyền Như Thế Nào

Đại Hội Phật Giáo Đầu Tiên

Trước hết chúng ta nên tìm hiểu giáo lý của Đức Phật đã được ghi nhận lại và lưu truyền cho đến ngày nay bằng cách nào. Đức Phật đã không viết xuống bất cứ điều dạy cả. Ngài chỉ giảng dạy bằng lời nói. Những đệ tử trực tiếp của Ngài đã học thuộc lòng những lời chỉ giáo của Ngài. Ba tháng sau ngày nhập diệt của Đức Phật, những đệ tử còn sống của Ngài mà dẫn đầu là Trưởng Lão Mahā Kassapa đã tổ chức một hội đồng, được gọi là một Đại Hội Phật Giáo. Tại Đại Hội này, tất cả giáo lý của Đức Phật đã được thu thập lại và trình bày lên cho Hội Đồng. Hội Đồng này bao gồm 500 vị A-la-hán, các Ngài là những đệ tử trực tiếp của Đức Phật. Tất cả giáo lý của Đức Phật đã được trình bày và xem xét một cách thận trọng. Chỉ khi nào các Ngài thỏa mãn rằng một lời dạy cụ thể nào đó thật sự đúng là lời dạy của Đức Phật, thì lời dạy đó mới được chấp nhận. Và như là một dấu hiệu chấp nhận, các Ngài cùng nhau tụng đọc lại lời dạy đó (ví dụ như một bài Kinh (Sutta) chẳng hạn). Đó là lý do tại sao trong ngôn ngữ Pāli những Hội Đồng này được gọi là Saṅgāyana hoặc là Saṅgīti. Saṅgāyana hay Saṅgīti có nghĩa là trùng tuyên. Những bài Kinh (Sutta) và những lời chỉ dạy khác cũng đã được chấp nhận theo cách này. Và như là một dấu hiệu chấp nhận, các vị A-la-hán này đã cùng nhau tụng đọc lại những giáo lý này. Do đó, tại Đại Hội Phật Giáo đầu tiên này, giáo lý của Đức Phật đã được thu thập, trình bày, xem xét kỹ lưỡng và rồi được chấp nhận là chính xác, như đã được ghi rõ trong trí nhớ

của những đệ tử của Ngài. Việc này đã được thực hiện tại Rājagaha, Ấn Độ.

Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Hai

Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Hai đã được tổ chức 100 năm sau ngày nhập diệt của Đức Phật. Ngay trước khi Đại Hội này được tổ chức, một vài vị Trưởng Thượng đã có sự khác biệt quan điểm về một vài điều giới luật (Vinaya). Họ đã không đồng ý với những vị còn lại. Cho nên Tăng chúng đã chia rẽ vào thời điểm đó. Nhóm những tu sĩ có sự khác biệt quan điểm được gọi là Māhāsāṅghika. Để bảo tồn giáo lý nguyên thủy của Đức Phật, nhóm Tăng chúng nguyên thủy đã tổ chức Đại Hội Lần Thứ Hai. Đại hội này đã được tổ chức tại Vesālī ở Ấn Độ. Hội Đồng này đã tái khẳng định những giáo lý đã được thu thập và chấp nhận ở Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Nhất. Tại Đại Hội này, không có điều học mới nào được thêm vào và không có điều học nào được bỏ đi từ những giáo lý đã được ghi nhận tại Đại Hội Lần Thứ Nhất.

Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Ba

Từ thời điểm đó trở đi, những trường phái khác nhau của Phật Giáo đã xuất hiện. Khoảng 200 năm sau ngày Đức Phật nhập diệt, đã có đến mười tám trường phái của Phật Giáo hoặc thậm chí nhiều hơn nữa. Vào thời điểm đó, những sự không đồng ý không chỉ xảy ra trong các điều giới luật mà còn xảy ra trong cả những lời giảng dạy khác nữa.

Theo sự tính toán của chúng tôi thì Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Ba đã được tổ chức vào 234 năm sau khi Đức Phật nhập diệt. Tại Đại Hội này, tất cả những quan điểm khác biệt đã được kiểm tra. Những quan điểm đó đã được nhận định là sai lệch theo truyền thống Theravāda. Cho nên Đại Hội Lần Thứ Ba đã được tổ chức vào thời điểm đó. Tại Đại Hội này, một bộ sách đã được thêm vào. Như chúng ta biết hiện nay, bộ sách đó là bộ Kathāvatthu. Đại Hội này đã được tổ chức trong thời đại của Vua Asoka.

Có lẽ các bạn đã nghe về Vua Asoka. Ông đã là một vị vua rất nổi tiếng. Đôi lúc ông được gọi là Đại Đế Asoka bởi vì ông đã cai trị hầu như toàn bộ Ấn Độ. Ông đã là một vị vua rất gương mẫu. Ông đã từ bỏ chiến tranh trong lúc đang cai trị. Nếu muốn, ông đã có thể rất dễ dàng thôn tính và xác nhập cực nam của Ấn Độ vào vương quốc của mình. Nhưng ông đã từ bỏ chiến tranh và rồi đi theo con đường của Giáo Pháp. Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Ba đã được tổ chức trong thời đại của ông. Tại Đại Hội này, những giáo lý được truyền lại từ hai Đại Hội Phật Giáo trước đã được tái khẳng định, và một chút ít đã được thêm vào.

Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Tư

Từ thời gian đó trở đi cho đến 450 năm sau ngày nhập diệt của Đức Phật, giáo lý đã được truyền lại từ thầy đến trò, từ thế hệ này đến thế hệ khác bằng khẩu truyền, một truyền thống vẫn duy trì cho đến thời điểm đó. Và rồi, cái mà được gọi là Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Tư đã được

tổ chức tại Sri Lanka. Trong thời gian đó đã có một cuộc nổi loạn lớn. Lớn đến nỗi mà mọi người đã phải từ bỏ nơi sinh sống của mình và đi đến nơi khác để trú ngụ. Trong thời loạn này, các tu sĩ đã gặp nhiều khó khăn để có thể tồn tại. Một vài trong số họ đã đi về Nam Ấn Độ. Nhiều tu sĩ đã ở lại Sri Lanka. Mặc dầu gặp khó khăn trong việc sinh tồn, nhưng họ vẫn bảo vệ và duy trì giáo lý của Đức Phật trong trí nhớ của họ. Sau cuộc nổi loạn, những tu sĩ mà di cư sang Ấn Độ đã quay lại Sri Lanka. Những tu sĩ mà ở lại Sri Lanka đã bày tỏ rằng, vì đã trải qua những thời điểm khó khăn trong cuộc nổi loạn, trí nhớ của họ có thể đã không còn chính xác và họ có thể đã mắc một vài sai lầm trong giáo lý. Cho nên tất cả những tu sĩ đã so sánh giáo lý với nhau -- tức là giáo lý của những vị đã ở lại Sri Lanka và giáo lý của những vị đã di cư sang Ấn Độ và quay trở lại Sri Lanka. Khi họ so sánh giáo lý với nhau, điều được ghi nhận lại là đã không có sự khác biệt hay chênh lệch nào. Sau đó, các tu sĩ này đã đồng ý rằng, sẽ rất là khó để duy trì tất cả những giáo lý của Đức Phật trong trí nhớ. Cho nên họ đã quyết định viết lại những lời dạy của Đức Phật trên những lá cọ. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử của Phật Giáo, Tam Tạng (Tipiṭaka) đã được viết xuống trên lá cọ tại Aḷuvihāra¹ vào khoảng 450 năm sau ngày nhập diệt của Đức Phật. Mặc dầu không chính thức được gọi là Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Tư, nhưng những thế hệ sau đã xem sự kiện này là Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Tư. Và chúng ta cũng chấp nhận như vậy.

Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Năm

Và rồi Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Năm đã được tổ chức tại Mandalay, Miến Điện. Đó là thành phố quê hương của tôi. Sự kiện này đã xảy ra trong thời đại của Vua Mindon. Ông là một vị vua rất có đạo đức. Ông muốn làm một điều gì đó mà đã chưa từng được làm bởi bất cứ vị vua nào trước thời của ông. Ông muốn làm cho giáo lý của Đức Phật được trường tồn cho đến khi thế gian bị hủy diệt. Cho nên, ông đã quyết định cho khắc Tam Tạng (Tipiṭaka) xuống trên những tấm đá cẩm thạch. Có 729 tấm đá cẩm thạch đã được sử dụng để viết Tam Tạng xuống. Những tấm đá cẩm thạch này đã được một tác giả người Miến Điện mô tả là “Cuốn Sách Lớn Nhất Trên Thế Giới”. Mỗi trang của cuốn sách này dày năm inch² với chiều cao khoảng năm feet³ hay năm feet rưỡi và chiều rộng một nửa foot. Tam Tạng đã được viết xuống trên 729 tấm đá cẩm thạch này. Mỗi tấm đá cẩm thạch này được đặt trong một ngôi nhà bằng gạch. Những ngôi nhà bằng gạch này nằm trong một ngôi chùa gần Mandalay Hill. Điều thật sự may mắn là không có một ngôi nhà nào đã bị bom đạn ném trúng. Trong thời gian Đại Chiến Thế Giới Thứ Hai, đã có chiến tranh xung quanh khu vực này. Chúng ta vẫn có thể thấy những tấm đá cẩm thạch này còn nguyên vẹn tại Mandalay. Nếu các bạn viếng thăm Miến Điện và có đến Mandalay, các bạn chắc chắn phải viếng thăm những tấm đá cẩm thạch này. Đại Hội Phật Giáo này đã được tổ chức vào khoảng cùng lúc với năm thứ 2400 sau ngày Đức Phật nhập diệt, tức là vào năm 1871 sau Công Nguyên. Và đã có 2400 vị tu sĩ tham dự trong Hội Đồng này.

¹ Nó gần Kandy, Sri Lanka

² ND: 1 inch = 2.54 cm

³ ND: 1 foot = 0.3048 m



Bức hình của tấm đá cẩm thạch

(Nguồn của bức hình: http://en.wikipedia.org/wiki/World's_largest_book)

Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Sáu

Sau vị vua Mindon, lại có một vị vua khác. Vị vua này đã bị bắt bởi Thực Dân Anh, và Miến Điện đã trở thành một thuộc địa của Anh Quốc. Sau Đại Chiến Thế Giới Thứ Hai, Miến Điện đã giành lại độc lập vào năm 1948. Sau khi được độc lập, cả Tăng Chúng và những nhà lãnh đạo chính trị của quốc gia đã quyết định tổ chức một Đại Hội Phật Giáo khác nữa. Họ nói rằng Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Sáu sẽ là toàn diện nhất bởi vì nó sẽ bao gồm tất cả những quốc gia theo truyền thống Theravāda. Những đại diện từ những quốc gia theo truyền thống Mahāyāna cũng được mời tham dự Đại Hội này. Tôi đã có tham gia vào những thủ tục của Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Sáu, nhưng vì quá trẻ nên tên tuổi đã không được ghi lại trong hồ sơ.

Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Sáu đã được tổ chức tại Rangoon⁴, Miến Điện. Để bắt chước Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Nhất mà đã được tổ chức trong một hang động lớn, chính phủ Miến Điện đã xây dựng một hang động nhân tạo có thể chứa 2500 vị tu sĩ. Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Sáu đã được tổ chức trong hang động này tại Rangoon vào năm 1954. Kết quả của Đại Hội Phật Giáo này là sự ra đời của một ấn bản được chỉnh sửa và in ấn tốt đẹp, bao gồm Tam Tạng, Chú

⁴ ND: Rangoon bây giờ đã đổi tên thành Yangon.

Giải và Phụ Chú Giải. Ngày nay, ấn bản này được xem là ấn bản tốt nhất của Tam Tạng Pāli, Chú Giải và Phụ Chú Giải. Tôi sẽ sử dụng và đề cập đến những bộ sách trong ấn bản này trong suốt khóa học này.

Giáo lý của Đức Phật đã được truyền lại từ thế hệ này đến thế hệ khác. Những Đại Hội Phật Giáo sau đã lần lượt được tổ chức và đã tái xác nhận những gì Đại Hội Phật Giáo Đầu Tiên đã chấp nhận và ghi nhận lại. Bằng cách này, giáo lý của Đức Phật đã được truyền lại đến thế hệ đương thời của chúng ta. Và ngày nay giáo lý của Ngài đã đến Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Những Cách Phân Loại Giáo Lý Của Đức Phật

Phân Loại Theo Các Nikāya

Khi giáo lý của Đức Phật được ghi nhận tại Đại Hội Phật Giáo Đầu Tiên, các vị Trưởng Thượng của Hội Đồng đã chia giáo lý của Đức Phật thành những loại khác nhau. Có một vài kiểu phân loại. Tôi chỉ trình bày cho các bạn hai kiểu. Một kiểu phân loại thành những Nikāya, tức là thành năm Nikāya hay năm nhóm. Tất cả giáo lý của Đức Phật được chia thành năm nhóm. Nhóm thứ nhất bao gồm những bài kinh dài, nhóm thứ hai bao gồm những bài kinh có chiều dài trung bình, nhóm thứ ba bao gồm những bài kinh có liên quan mật thiết với nhau hay những bài kinh linh tinh, nhóm thứ tư bao gồm những bài kinh tăng tiến dần, và cuối cùng nhóm thứ năm bao gồm những bài kinh nhỏ. Như vậy tất cả giáo lý của Đức Phật đã được chia thành năm Nikāya này -- nhóm những bài kinh dài, nhóm những bài kinh có chiều dài trung bình, nhóm những bài kinh linh tinh, nhóm những bài kinh tăng tiến dần⁵, nhóm những bài kinh nhỏ. Trong ngôn ngữ Pāli, năm nhóm này được gọi là:

- Dīgha Nikāya (Trường Bộ Kinh),
- Majjhima Nikāya (Trung Bộ Kinh),
- Saṃyutta Nikāya (Tương Ưng Bộ Kinh),
- Aṅguttara Nikāya (Tăng Chi Bộ Kinh), và
- Khuddaka Nikāya (Tiểu Bộ Kinh).

Phân Loại Theo Các Piṭaka

Theo cách này, thì giáo lý của Đức Phật lại được chia ra làm ba nhóm và được gọi là Tipiṭaka. Từ “Piṭaka” có nghĩa là một cái chỗ chứa đựng, một cái bình hay là một cái giỏ; hay “Piṭaka” có nghĩa là “cái điều/cái thứ để được học”. Từ “Piṭaka” thường được dịch là “cái giỏ”. Có ba Piṭaka hay có ba cái giỏ:

⁵ Những bài kinh tăng tiến dần có nghĩa là những bài kinh mà số chi pháp tăng dần lên. Có những bài kinh chỉ có một chi pháp và cứ như thế số chi pháp tăng dần cho đến khi 11 chi pháp được đề cập trong một bài kinh.

- Vinaya Piṭaka,
- Sutta Piṭaka hay Suttanta Piṭaka, và
- Abhidhamma Piṭaka.

Chia ra theo Nikāya và chia ra theo Piṭaka là những loại phân chia khác nhau. Nhiều người đã hiểu sai về những sự phân chia này. Họ nghĩ là, cách chia theo Nikāya là một cách chia nhỏ nữa, sau khi đã chia theo Piṭaka. Nhưng không phải như vậy. Thật sự thì mỗi bộ sách Phật học trong Kinh Điển Pāli đều thuộc vào một Piṭaka nào đó và một Nikāya nào đó. Chúng ta hãy lấy bộ sách đầu tiên trong Kinh Điển, tức là bộ Mahāvibhaṅga, làm ví dụ. Bộ sách này thuộc vào Khuddaka Nikāya. Và theo sự phân chia theo Piṭaka, thì nó thuộc vào Vinaya Piṭaka.

Nettipakaraṇa, Peṭakopadesa và Milindapañha -- ba bộ sách này không được xem là thuộc vào Kinh Điển, như đã được đề cập đến trong những Chú Giải Vinaya và Dīgha Nikāya. Đó là lý do tại sao một vài người không bao gồm chúng vào Kinh Điển Pāli. Nhưng tại Miến Điện, những bộ sách này lại được bao gồm vào Kinh Điển Pāli. Chúng đã được bao gồm vào, tại Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Năm và Thứ Sáu khi đã được tụng đọc lại. Về bộ Kathāvatthu: bộ sách này, như chúng ta có ngày nay, đã được thêm vào tại Đại Hội Phật Giáo Lần Thứ Ba. Các bạn có thể đọc Expositor⁶ để biết thêm chi tiết về sự ghi nhận này.

Có một câu kệ Pāli được tìm thấy trong Chú Giải Vinaya (Pārājikakaṇḍa-aṭṭhakathā) và Chú Giải Abhidhamma (Aṭṭhasālini-aṭṭhakathā), nói như sau:

“Tṭhapetvā caturo p’ete, Nikāye Dīgha-ādike,
Ta-d-aññaṃ Buddhavacanāṃ, Nikāyo Khuddako mato.”

Ý nghĩa của câu kệ là như sau: “Phần còn lại của những lời của Đức Phật, ngoại trừ bốn Nikāya này chẳng hạn như là Dīgha (mà có nghĩa là Dīgha, Majjhima, Saṃyutta và Aṅguttara), nên được hiểu là Khuddaka Nikāya.” Điều hơi lạ là toàn bộ Vinaya Piṭaka và toàn bộ Abhidhamma Piṭaka thì được bao gồm Khuddaka Nikāya. Khuddaka Nikāya có nghĩa là những lời dạy phụ hay những bài giảng nhỏ. Abhidhamma thì không nhỏ chút nào. Và Vinaya cũng không nhỏ chút nào. Sự phân loại theo Nikāya và sự phân loại theo Piṭaka là hai sự phân loại khác nhau. Những Nikāya không phải là sự chia nhỏ của những Piṭaka. Abhidhamma mà chúng ta sẽ học, thuộc vào Khuddaka Nikāya nếu phân chia theo Nikāya, và thuộc vào Abhidhamma Piṭaka nếu phân chia theo Piṭaka.

Từ “Abhidhamma”

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu từ “Abhidhamma”. Từ này bao gồm hai phần -- “Abhi” và “Dhamma”. “Abhi” có nghĩa là xuất sắc hay là nổi bật. “Dhamma” có nghĩa là giáo lý. “Abhidhamma” có nghĩa là giáo lý xuất sắc hay là giáo lý nổi bật. Xuất sắc ở đây không có nghĩa là những lời dạy trong Abhidhamma Piṭaka là tốt đẹp hơn, cao cả hơn hay cao thượng hơn

⁶ ND: Chúng tôi không rõ cái gì đã được đề cập đến ở đây.

những lời dạy trong Sutta Piṭaka. Sự khác biệt duy nhất giữa những lời dạy trong Sutta Piṭaka và Abhidhamma Piṭaka là phương pháp xử lý hay phương pháp trình bày. Những điều được dạy trong Sutta và Abhidhamma là giống nhau. Các bạn sẽ tìm thấy cùng Dhamma, cùng những đề tài, trong cả hai Sutta Piṭaka và Abhidhamma Piṭaka. Nhưng trong Abhidhamma Piṭaka, những Dhamma này được phân tích một cách tỉ mỉ và cặn kẽ. Nói cách khác, Abhidhamma nâng cao những lời giảng dạy trong Sutta Piṭaka, hay vượt trội hơn những lời giảng dạy trong Sutta Piṭaka theo phương diện về cách xử lý.

Chúng ta hãy lấy một ví dụ, như ngũ uẩn chẳng hạn. Tôi hy vọng các bạn quen thuộc với ngũ uẩn (sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn). Đức Phật dạy giáo lý về ngũ uẩn. Chúng ta được cấu thành bởi ngũ uẩn này. Hầu hết mọi chúng sinh được cấu thành bởi ngũ uẩn. Ngũ uẩn này được trình bày chỉ có trên một trang giấy trong Saṃyutta Nikāya. Nhưng cũng ngũ uẩn này lại được phân tích trên 68 trang giấy trong bộ sách thứ hai của Abhidhamma! Chúng ta có 68 trang so với một trang. Các bạn sẽ thấy phương pháp xử lý trong Suttanta Piṭaka và Abhidhamma Piṭaka khác nhau như thế nào. Trong Suttanta Piṭaka, Đức Phật có thể giảng thuyết và giải thích về ngũ uẩn nhiều hơn một chút, nhưng đó không phải là một sự phân tích hoàn hảo, một sự xử lý hoàn chỉnh như trong Abhidhamma. Trong Abhidhamma Piṭaka, đặc biệt là trong Vibhaṅga, ngũ uẩn được phân tích và xử lý bằng cách giải thích theo phương pháp Suttanta, bằng cách giải thích theo phương pháp Abhidhamma và bằng cách hỏi đáp. Thật ra mọi điều được biết về ngũ uẩn thì được phân tích và xử lý trong Abhidhamma, không phải trong Suttanta Piṭaka. Vì vậy, đây là lý do tại sao nó được gọi là Abhidhamma. Sự khác biệt chỉ ở trong phương pháp phân tích và xử lý, chứ không phải trong nội dung hay trong chi pháp (Dhamma) được giảng dạy. Các bạn có thể tìm thấy cùng năm uẩn này trong cả các bài Kinh (Sutta) lẫn trong Abhidhamma. Các bạn có thể tìm thấy Tứ Diệu Đế trong cả các bài Kinh (Sutta) lẫn trong Abhidhamma, vân vân.

Cái Gì Được Giảng Dạy Trong Abhidhamma?

Cái gì được giảng dạy trong Abhidhamma? Giáo lý chân đế (tối hậu) được dạy trong Abhidhamma thay vì là giáo lý tục đế (quy ước) như được dạy trong Sutta Piṭaka. Trong Sutta Piṭaka, Đức Phật đã dùng những từ ngữ quy ước -- như là “tôi”, “bạn”, “một con người”, “một phụ nữ”. Nếu không có những từ ngữ quy ước này, chúng ta chẳng thể nói được gì cả. Và như vậy chúng ta cũng chẳng thể giao tiếp với những người khác trong cái thế giới quy ước này. Cho nên trong Sutta Piṭaka, Đức Phật đã giảng dạy bằng những từ ngữ quy ước này. Nhưng trong Abhidhamma Piṭaka, hầu hết những từ ngữ được dùng không phải là từ ngữ quy ước mà là từ ngữ của sự thật chân đế. Những từ ngữ này thì khác so với những từ ngữ của sự thật tục đế. Hầu như không có người, không có đàn ông, không có đàn bà trong Abhidhamma Piṭaka. Các bạn sẽ gặp năm uẩn, các vật, các giới, Tứ Diệu Đế và vân vân. Mặc dầu đối tượng có thể là giống nhau, nhưng cách trình bày thì lại khác.

Chúng ta hãy lấy nước làm ví dụ. Thật ra thì tôi không có hiểu biết về hóa học. Tôi chỉ biết là, nước là H_2O . Cho nên tôi luôn luôn lấy ví dụ này. Khi tôi nói, “Tôi uống nước”, thì tôi đang sử

dụng một từ ngữ quy ước. Cái thứ tôi đang uống thì đúng là nước. Tôi không có nói dối. Nhưng nếu các bạn vào phòng thí nghiệm và phân tích các vật chất, các bạn sẽ không gọi chất lỏng đó là “nước” mà phải gọi là H_2O . Những từ ngữ chúng ta sử dụng trong Abhidhamma giống như cách sử dụng của từ “ H_2O ” trong hóa học vậy. Bạn không phải là một người nam. Bạn không phải là một người nữ. Các bạn là những ngũ uẩn. Hiện tại những ngũ uẩn này đang ngồi đây. Một nhóm ngũ uẩn đang nói. Những nhóm ngũ uẩn khác đang lắng nghe. Cái đó là Abhidhamma đó. Trong Abhidhamma, những từ ngữ được dùng là của sự thật chân đế chứ không phải của quy ước.

Những sự thật này được dạy bằng nhiều cách khác nhau. Những sự thật, tức là những cái mà được chấp nhận là thực tại, thì có bốn nếu tính theo số. Chúng ta sẽ học đến đó sau.

Trong Abhidhamma, danh và sắc được phân tích một cách tỉ mỉ. Một con người bao gồm có danh và sắc. Danh thì bao gồm có Citta, được dịch là tâm, và Cetasika, được dịch là sở hữu tâm. Cái mà chúng ta gọi là danh thì bao gồm hai thứ -- Citta và Cetasika.

Có 89 hay 121 loại Citta. Nói cách khác, Citta được chia ra làm 89 hay 121 loại tâm. Những sở hữu tâm thì được chia ra làm 52. Danh pháp được phân tích và miêu tả một cách tỉ mỉ trong Abhidhamma. Sắc pháp cũng được xử lý chi tiết như vậy. Có 28 sắc pháp được dạy trong Abhidhamma. Sự định danh chúng, nguyên nhân của chúng, và chúng được sắp xếp thành nhóm như thế nào, chúng sanh lên như thế nào, chúng diệt đi như thế nào trong một đời sống cụ thể -- tất cả những điều này được dạy trong Abhidhamma. Trong Abhidhamma, những sự thật chân đế được giảng dạy, đó là, tâm, sở hữu tâm, sắc pháp và Nibbāna.

Abhidhamma là gì?

Abhidhamma là gì? Nó có phải là triết học không? Nó có phải là tâm lý học không? Nó có phải là đạo đức học không? Không ai biết cả. Sayādaw U Thittila là một tu sĩ người Miến Điện mà đã sống ở phương Tây rất nhiều năm. Ngài vẫn còn đang sống ở Miến Điện. Hiện tại Ngài có lẽ khoảng 97 tuổi⁷. Ngài đã nói như sau, “Abhidhamma là một triết học ở khía cạnh vì nó phân tích, giải quyết và xử lý những nguyên nhân và nguyên tắc chung và rộng nhất mà quản lý và điều khiển tất cả mọi thứ.” Vì vậy nó có thể được gọi là một triết học. Bạn tìm thấy trong Abhidhamma những nguyên nhân và nguyên tắc mà quản lý và điều khiển tất cả mọi thứ. “Abhidhamma là một hệ thống đạo đức bởi vì nó giúp một chúng sanh chứng đạt được mục đích tối thượng, Nibbāna.” Thật sự thì không có giáo lý đạo đức nào trong Abhidhamma cả. Không có những lời dạy như là “các bạn không nên làm hay không được làm cái này hay cái kia, các bạn nên tránh xa điều này”. Không có những lời dạy như vậy trong Abhidhamma. Nhưng khi miêu tả tâm thức, thì Abhidhamma bắt đầu với, cái gì là bất thiện. Rồi tâm của dục giới được miêu tả. Rồi đến những trạng thái tâm cao hơn, được gọi là tâm sắc giới, được miêu tả. Rồi đến lượt những loại tâm vô sắc giới. Và cuối cùng tâm Siêu thế được miêu tả. Như vậy Abhidhamma đi từ một tầng

⁷ Ngài Sayādaw U Thittila đã qua đời vào năm 1997.

ting thần này đến một tầng ting thần khác. Vì vậy nó có thể được gọi là đạo đức học.

“Bởi vì Abhidhamma phân tích và giải thích cách hoạt động và làm việc của tâm thức thông qua các tiến trình suy nghĩ và những sở hữu tâm, cho nên nó cũng có thể được gọi là một hệ thống tâm lý học.” Abhidhamma thật sự là một hệ thống tâm lý học bởi vì nó làm việc với danh, sắc, tâm, sở hữu tâm và các sắc pháp. “Cho nên Abhidhamma nói chung được dịch là triết lý tâm lý-đạo đức học của Phật Giáo.” Tôi thì chỉ muốn gọi nó là Abhidhamma. Tôi nghĩ như vậy tốt hơn.

Khi chúng ta nói nó là tâm lý học của Phật Giáo, thì nó là tâm lý học, nhưng thật ra Abhidhamma hơn như vậy. Chúng ta có thể gọi nó là “triết học”; và Abhidhamma cũng hơn như vậy. Chúng ta có thể gọi nó là “đạo đức học”; nó là “đạo đức học”, nhưng thật sự Abhidhamma hơn như vậy. Vì vậy, chúng ta sẽ chẳng bao giờ đúng cả nếu chỉ gọi nó là tâm lý học, triết học hay là đạo đức học. Tốt hơn là cứ chỉ gọi nó là Abhidhamma như người Miến Điện chúng tôi làm vậy.

Tôi luôn luôn nói với mọi người rằng người Miến Điện chúng tôi là người thông minh. Chúng tôi không dịch những từ ngữ này sang tiếng Miến Điện. Chúng tôi chỉ dùng chúng và biến chúng thành từ ngữ Miến Điện. Cho nên chúng ta hãy cứ chỉ gọi Abhidhamma là Abhidhamma.

Trong Abhidhamma, các bạn tìm thấy một chút gì đó triết học, khá nhiều tâm lý học và cũng nhiều đạo đức học.

Sự Quan Trọng Của Abhidhamma

Bây giờ chúng ta hãy nói về sự quan trọng của Abhidhamma. Kiến thức về Abhidhamma có quan trọng không? Nếu các bạn hỏi tôi, tôi sẽ nói là, “Có”. Theo tôi, Abhidhamma không những chỉ cần thiết mà còn là nền tảng căn bản để có được sự hiểu biết đúng đắn và thấu đáo giáo lý của Đức Phật. Đừng bị nản lòng khi các bạn nghe tôi nói rằng: Các bạn sẽ không hiểu những Sutta một cách đúng đắn và thấu triệt nếu các bạn không hiểu những lời giảng dạy trong Abhidhamma. Nhiều lời giảng dạy trong những Sutta phải được hiểu dựa trên nền tảng của Abhidhamma. Abhidhamma là cái gì đó giống như là một sự hướng dẫn hay là một sự chỉ dẫn giúp chúng ta hiểu những lời giảng dạy trong các Sutta.

Trong Dhammapada (đây là một Sutta), Đức Phật dạy rằng, “Đừng làm điều ác; hãy làm điều thiện.” Nếu chúng ta phải tránh làm điều ác, chúng ta cần phải biết cái gì là điều ác, cái gì là bất thiện. Đôi lúc chúng ta có thể cho rằng cái gì đó là thiện, trong khi thật sự điều đó là bất thiện. Hay đôi khi chúng ta có thể nghĩ cái gì đó là bất thiện, trong khi nó lại là thiện. Chúng ta cần phải hiểu cái nào là ác và cái nào là thiện. Abhidhamma giúp chúng ta hiểu điều này. Abhidhamma dạy chúng ta rằng bất cứ cái gì liên kết với tham, sân và si là ác, là bất thiện. Và bất cứ cái gì liên kết với những cái đối lập với ba trạng thái bất thiện trên là thiện. Những cái đối lập với ba trạng thái bất thiện trên là vô tham, vô sân (có nghĩa là lòng từ) và vô si (hay là trí tuệ, sự hiểu biết). Nếu các bạn không biết Abhidhamma, các bạn có thể lầm lạc khi phân biệt cái gì là ác và cái gì

là thiện.

Trong một vài Sutta, Đức Phật đã dạy rằng, “Một tu sĩ phát triển Đạo Lộ Giải Thoát.” Chúng ta nên hiểu như thế nào? Tâm Đạo là một loại tâm khởi lên tại thời điểm giác ngộ. Theo Abhidhamma, tâm Đạo chỉ khởi lên có một và không bao giờ lặp lại. Trong Sutta đó, Đức Phật đã nói, “Vị tu sĩ phát triển Đạo Lộ Giải Thoát.” Nhưng theo giáo lý của Abhidhamma, tâm Đạo chỉ khởi lên có một lần. Vậy ý nghĩa cần phải hiểu ở đây là vị tu sĩ phải tu tập thiền nhiều hơn nữa để đạt đến những tầng giác ngộ cao hơn, để chứng đạt những Đạo cao hơn. Nếu chúng ta không hiểu như vậy, thì chúng ta đã hiểu lời dạy đó không đúng. Có nhiều chỗ như vậy trong các Sutta. Nếu không có kiến thức về Abhidhamma, các bạn sẽ luôn luôn hiểu lệch lạc hay các bạn sẽ không hiểu một cách thấu đáo. Cho nên, theo ý kiến của tôi, Abhidhamma là căn bản và cần thiết để có được sự hiểu biết đúng đắn và thấu đáo những lời giảng dạy trong các Sutta.

Kiến Thức Về Abhidhamma Có Cần Thiết Và Căn Bản Cho Thiền Không?

Rồi có một câu hỏi khác như sau: Khi chúng ta muốn hành thiền, chúng ta có cần có kiến thức về Abhidhamma không? Câu trả lời có thể khác nhau -- có và không.

Có một luận thư được gọi là Visuddhimagga, được viết bởi Ngài Buddhaghosa vào thế kỷ thứ năm sau công nguyên. Thật ra đây là một cẩm nang dành cho những tu sĩ đang hành thiền. Nó miêu tả việc hành thiền từ cái nền tảng của sự trong sạch về giới hạnh cho đến việc chứng đạt sự giác ngộ. Khi miêu tả về thiền Vipassanā⁸, tác giả đã dạy trong luận thư này những căn bản và quan trọng của Abhidhamma -- như các uẩn, các vật, các giới, các quyền, Paṭicca-samuppāda (Duyên Khởi). Ngài đã nói rằng cái này là những nền tảng cho kiến thức. Kiến thức ở đây nghĩa là kiến thức về Vipassanā. Dựa vào đó, chúng ta có lẽ sẽ kết luận rằng chúng ta phải nghiên cứu Abhidhamma trước khi chúng ta có thể hành thiền Vipassanā. Nhưng khi chúng ta đọc những câu chuyện kể về một người đến gặp Đức Phật và Đức Phật thuyết giảng cho người ấy và rồi người ấy đạt được sự giác ngộ hay là người ấy trở thành một Ariya, thì người ấy đã không biết Abhidhamma. Nhưng người ấy đã giác ngộ. Cho nên theo ý kiến của tôi, kiến thức về Abhidhamma không phải là hoàn toàn cần thiết cho sự chứng ngộ chân lý. Thậm chí nếu các bạn không biết Abhidhamma, các bạn vẫn có thể hành thiền Vipassanā và các bạn vẫn có thể đạt kết quả. Tuy nhiên, có kiến thức về Abhidhamma thì vô cùng hữu ích. Điều này giống như là đọc bản đồ trước khi các bạn đi đến một nơi nào đó. Khi các bạn đến nơi đó rồi, các bạn không cần phải được chỉ dẫn nữa bởi vì các bạn đã biết cái gì là cái gì. Kiến thức về Abhidhamma rất là hữu ích. Nghiên cứu Abhidhamma một chút trước khi hành thiền là tốt, giống như các bạn đang làm ở đây vậy. Nhưng có một vài giảng sư lại nghĩ rằng chuyện đó là cần thiết: Các bạn phải biết Abhidhamma trước khi các bạn hành thiền Vipassanā. Nói chung, có kiến thức về Abhidhamma thì tốt.

⁸ Có hai loại thiền -- Samatha (Chỉ) và Vipassanā (Quán).

Abhidhamma Có Cần Thiết Cho Sự Hiểu Biết Giáo Lý Không?

Có một vài người, đặc biệt là các học giả, cho rằng Abhidhamma thì không cần thiết cho sự hiểu biết các Sutta. Một người đã viết như sau, “Tạng thứ ba của Kinh Tạng Pāli, tức là Abhidhamma Piṭaka, không cần phải được nghiên cứu kỹ bởi vì nó chỉ khác với những gì đã được thảo luận trong tài liệu Sutta ở điểm là nó khô khan hơn, phức tạp hơn và có tính học thuật hơn. Tính nguyên gốc và độ sâu thì tương đối thiếu hẳn. Và kiến thức của chúng ta về triết lý Phật học sẽ chẳng giảm thiểu chút nào nếu Abhidhamma Piṭaka bị bỏ qua.” Như vậy ý của ông ta là cho dầu các bạn không biết Abhidhamma, kiến thức của các bạn về triết lý Phật học sẽ chẳng giảm thiểu chút nào; các bạn không cần Abhidhamma để hiểu triết lý Phật học. Tác giả của câu nói đó là Ananda K. Humaraswami. Câu nói này được trích trong cuốn sách của ông, *Buddha and the Gospel of Buddhism*. Ông đã nói, “Tính nguyên gốc và độ sâu sắc thì tương đối thiếu hẳn.” Đúng, có lẽ tính nguyên gốc thì thiếu bởi vì những điều được dạy trong Abhidhamma cũng giống như những điều dạy trong Sutta Piṭaka và Vinaya Piṭaka. Nói cách khác, có lẽ Abhidhamma không dạy những điều gì mới mẻ. Nhưng về độ sâu -- Tôi sẽ để cho các bạn tự quyết định. Tôi sẽ không nói thêm gì nữa. Cho nên, bất chấp các bạn nghĩ là Abhidhamma nông cạn, hay sâu sắc, hay tuyệt diệu hay là như thế nào đó, các bạn sẽ hiểu sau khi các bạn học xong khóa học này.

Cũng có một người khác đã viết tương tự như vậy. Có lẽ Kumaraswami đã có ý tưởng đó của mình từ cuốn sách đó. Cuốn sách đó là *The History of Indian Literature* của một tác giả người Đức tên là Moriz Winternitz. Ông ta đã viết một cái gì đó như thế này: “Có quá nhiều từ đồng nghĩa được đưa ra; không có tính nguyên gốc gì cả.” Có lẽ họ đã đọc lướt qua một cuốn sách trong Abhidhamma và đã thấy những sự liệt kê, những từ đồng nghĩa và những cái khác tương tự như vậy, và đã trở nên vỡ mộng về Abhidhamma. Trước khi các bạn có thể cầm một cuốn sách trong Abhidhamma, đọc và hiểu, các bạn phải có một chút kiến thức về nền tảng của Abhidhamma. Nếu không có kiến thức cơ bản, các bạn không thể nghiên cứu những cuốn sách trong Abhidhamma Piṭaka trực tiếp được. Điều này giống như: Nếu các bạn không biết Bảng Cửu Chương, các bạn không thể làm toán được. Không có Bảng Cửu Chương, các bạn không thể làm Số Học được. (Dĩ nhiên tôi nói thời xa xưa kia, bởi vì bây giờ người ta toàn dùng máy tính thôi.) Khi mà không có kiến thức cơ bản, chúng ta hầu như không thể tiếp cận được bất kỳ loại kiến thức gì. Cho nên các bạn cần một chút kiến thức cơ bản nào đó về Abhidhamma trước khi các bạn nghiên cứu chính Abhidhamma. Không có kiến thức này, thì bất kỳ cuốn sách Abhidhamma nào các bạn đọc cũng sẽ giống như tiếng Hy Lạp đối với các bạn.

Sayādaw U Thittila đã nói rằng, “Các sinh viên giỏi của môn triết học Phật Giáo thì đánh giá Abhidhamma rất cao, còn đối với sinh viên trung bình, thì nó có vẻ tẻ nhạt và vô nghĩa.” Nếu các bạn cầm lấy một cuốn sách Abhidhamma, thậm chí nếu các bạn hiểu Pāli, các bạn cũng sẽ thấy tẻ nhạt và nhàm chán. Điều đó bởi vì “Abhidhamma cực kỳ tinh tế trong cách phân tích, và rất kỹ thuật trong cách xử lý đến nỗi nó trở thành khó hiểu nếu không có sự hướng dẫn của một người thầy có khả năng.” Có thể các bạn đọc một cuốn sách về Abhidhamma và hiểu một chút nào đó. Nhưng tôi nghĩ các bạn phải cần một người thầy để hướng dẫn các bạn tìm hiểu sâu về

Abhidhamma. Đó có lẽ là lý do tại sao Abhidhamma Piṭaka thì không có phổ biến như là hai Piṭaka còn lại đối với các Phật tử phương Tây -- có lẽ không chỉ đối với Phật tử phương Tây mà là cả các học giả đương thời. Ananda Kumaraswami không phải là người phương Tây. Ông ta là người phương Đông. Cho nên, Abhidhamma không có phổ biến thậm chí đối với các học giả ở phương Đông bởi vì “nó cực kỳ tinh tế trong cách phân tích, và rất kỹ thuật trong cách xử lý.”⁹ Các bạn sẽ thấy điều đó khi các bạn cầm bất kỳ cuốn sách Abhidhamma nào và bắt đầu đọc. Tôi sẽ không nói lời tuyên bố của ai là sự thật. Các bạn có thể tìm ra cho chính mình sau khi các bạn học xong khóa học này.

Đức Phật Đã Dạy Abhidhamma Như Thế Nào

Bây giờ chúng ta hãy chú ý đến bảy bộ sách của Abhidhamma và các Chú Giải. Abhidhamma là một tài liệu lớn. Đức Phật dạy Abhidhamma cho những thiên nhân chứ không phải cho loài người. Vào mùa an cư thứ bảy sau khi Ngài giác ngộ, Đức Phật đã đi đến cõi trời Tāvātimsa và thuyết giảng Abhidhamma cho những thiên nhân ở đó. Thân mẫu của Ngài, người mà đã qua đời sau khi hạ sanh Ngài được bảy ngày, đã tái sanh làm một Deva, tức là một thiên nhân ở cõi trời Tusitā. Bà ta hay là ông ta (Chúng tôi tin là bà ta đã tái sanh trở thành một nam thiên nhân) đã đi xuống cõi trời Tāvātimsa và lắng nghe Abhidhamma mà Đức Phật thuyết giảng.

Kinh sách lưu truyền lại rằng, Đức Phật đã giảng dạy suốt ba tháng không ngừng nghỉ. Khi tôi nói “không ngừng nghỉ”, tôi thật sự có nghĩa là không ngừng nghỉ. Đức Phật là một con người. Cho nên Ngài cần phải thọ thực và có những nhu cầu tất yếu cho cơ thể. Khi đến thời gian khát thực, Ngài đã dùng thần thông biến ra một vị Phật khác. Ngài ước nguyện rằng vị Phật được tạo ra sẽ dạy Abhidhamma từ chỗ này cho đến chỗ này trong suốt thời gian Ngài vắng mặt. Rồi thì Ngài đi xuống cõi trần để khát thực. Trong suốt thời gian đó, vị Phật được tạo ra sẽ nhận lãnh trách nhiệm giảng dạy. Khi Ngài đi xuống cõi trần, Ngài Sāriputta gặp Ngài ở đó. Khi Đức Phật gặp Ngài Sāriputta, Đức Phật đã nói cho Ngài Sāriputta biết là Đức Phật đã dạy phần nào của Abhidhamma trong khoảng thời gian đó. Có nghĩa là khoảng thời gian giữa lúc họ gặp nhau hôm trước và hôm nay. Đức Phật chỉ nói lại cho Ngài Sāriputta những gì tóm tắt và ngắn gọn giống như một cái mục lục chẳng hạn. Và khi Ngài Sāriputta nghe như vậy, Ngài có thể hiểu được những gì Đức Phật đã dạy cho đến những chi tiết nhỏ nhất. Ngài rất thuần thục với tuệ phân tích. Ngài hiểu tất cả những gì Đức Phật dạy trong suốt thời gian thay thế đó. Khi Ngài Sāriputta quay trở lại nơi trú ngụ của mình, Ngài dạy Abhidhamma mà Ngài đã học được từ Đức Phật đến cho 500 vị tu sĩ đệ tử của Ngài. Và Đức Phật sau khi trải qua buổi ban ngày ở cõi trần đã trở lại cõi trời Tāvātimsa vào buổi ban đêm và tiếp tục việc giảng dạy của Ngài.

Các vị thiên nhân có biết là Đức Phật đã đi khỏi và có biết là vị Phật đang thuyết giảng trong lúc đó không phải là thật không? Một vài vị biết và một vài vị không biết. Những vị có năng lực mạnh thì biết, còn những vị có năng lực yếu thì không biết. Bởi vì chẳng có sự khác biệt nào giữa Đức Phật và vị Phật được tạo ra về mặt hào quang, giọng nói và ngôn ngữ -- mọi thứ đều giống nhau

⁹ Những nhận xét này của Ngài U Thittila có thể được tìm thấy trong *Essential Themes of Buddhist Lectures* của Ashin Thittila, trang 140.

y đức như là một bản sao chính xác -- những thiên nhân với năng lực yếu không thể biết.

Kinh sách lưu truyền lại rằng, Đức Phật nói rất nhanh. Nhanh như thế nào? Trong khoảng thời gian một người bình thường nói một từ, Đức Phật có thể nói 128 từ. Thậm chí một bài pháp được giảng sau khi độ thực tại một gia cư cũng có thể dài bằng cỡ một bài Nikāya. Bây giờ hãy hình dung Đức Phật nói như vậy trong vòng ba tháng không ngừng nghỉ, thuyết pháp một cách liên tục. Cho nên, kích cỡ của tạng Abhidhamma có thể rất là lớn. Chúng ta có ba phiên bản của Abhidhamma -- thứ nhất là phiên bản Đức Phật đã dạy cho những thiên nhân, rất là lớn; thứ hai là phiên bản Đức Phật đã dạy cho Ngài Sāriputta, giống như là một mục lục; thứ ba là phiên bản Ngài Sāriputta đã dạy cho các đệ tử của Ngài, không quá lớn và không quá nhỏ. Ngài Sāriputta đã làm cho giáo lý Abhidhamma ngắn gọn nhưng súc tích, phù hợp cho những vị tu sĩ đó. Ngài đã không dạy tất cả những gì Ngài biết. Ngài chỉ dạy vừa đủ cho họ. Vì vậy có tất cả ba phiên bản của Abhidhamma. May mắn thay phiên bản cuối cùng, tức là phiên bản không quá lớn cũng không quá nhỏ, đã được ghi nhận lại tại Đại Hội Phật Giáo Lần Đầu Tiên. Phiên bản này là Abhidhamma mà chúng ta có ngày nay.

Tôi muốn cho các bạn xem những bộ sách Abhidhamma. Có mười hai cuốn tất cả. Tôi đã cộng số trang lại và tổng cộng số trang là 4981. Có bảy bộ sách Abhidhamma thôi, nhưng ấn bản này của chúng ta thì có tới mười hai tập. 4981 trang này có chứa nhiều dấu ba chấm. Và cũng có những sự lặp lại hay là những phần mà những người tụng đọc lại có thể nhận thức ra được và đưa vào một cách không khó khăn, cho nên những phần đó được bỏ đi. Nếu mọi thứ được in ra một cách đầy đủ, nó có thể là nhiều gấp mười lần so với những gì chúng ta có ở đây. Abhidhamma rất rộng và rất lớn.

Bảy Bộ Sách Của Abhidhamma

Abhidhamma gồm có bảy bộ sách. Bộ thứ nhất là Dhammasaṅgaṇī, Bộ Pháp Tụ. Bộ này bao gồm sự phân loại các Citta (Tâm), các Cetasika (Sở Hữu Tâm), và Rūpa (Sắc Pháp). Bộ thứ hai được gọi là Vibhaṅga, có nghĩa là Bộ Phân Tích. Ở đây, những đề tài được dạy trong Dhammasaṅgaṇī được phân tích kỹ hơn. Bộ thứ ba được gọi là Dhātukathā, Bộ Chất Ngữ. Bộ này bình luận về các Dhamma được dạy trong Dhammasaṅgaṇī. Bộ thứ tư được gọi là Puggalapaññatti, Bộ Nhân Chế Định. Bộ này thì không giống như Abhidhamma. Nó giống như các bài giảng Sutta. Những chúng sanh được đề cập đến và phân loại trong bộ sách này. Cho nên, bộ sách này không giống Abhidhamma. Bộ tiếp theo là Kathāvatthu, Những Điểm Tranh Luận. Bộ sách này cũng không giống Abhidhamma. Nó là một bộ sách về tranh luận. Những quan điểm khác nhau đương thời đã được đề cập đến và kiểm định dưới dạng tranh luận. Bộ sách này trình bày một cuộc đối thoại giữa những tu sĩ Theravāda với những tu sĩ thuộc những giáo phái khác, cho nên rất khác với những bộ sách khác. Bộ thứ sáu được gọi là Yamaka, Bộ Song Đối. Nó bao gồm những câu hỏi và những câu trả lời theo cặp. Có những câu hỏi theo cặp. Có những câu trả lời theo cặp. Ví dụ như “Có những trạng thái thiện. Tất cả những trạng thái thiện đó là những căn thiện phải không? Có những căn thiện. Tất cả những căn thiện đó là những trạng thái thiện phải không?” Những cặp câu hỏi và trả lời giống như vậy được trình bày

trong bộ này. Và rồi đối với các uẩn, các vật và vân vân, cũng có những câu hỏi và những câu trả lời cặp đôi như vậy. Bộ thứ bảy được gọi là Paṭṭhāna. Đó là Bộ Vị Trí. 24 phạm trù của những quan hệ duyên khởi được trình bày ở đây. Bộ Paṭṭhāna là bộ sách lớn nhất trong bảy bộ sách của Abhidhamma. Và đối với chúng tôi, đây là bộ sách sâu sắc và tuyệt diệu nhất của Abhidhamma.

Kinh sách ghi lại rằng, Đức Phật đã suy ngẫm về Abhidhamma trong suốt tuần lễ thứ tư sau khi Ngài giác ngộ. Ngài đã không thuyết giảng cho ai hết. Ngài chỉ ngồi suy ngẫm về Abhidhamma. Khi Ngài suy ngẫm về sáu bộ sách đầu tiên, không có điều gì đặc biệt xảy ra cả. Nhưng khi Ngài suy ngẫm về bộ thứ bảy, hào quang sáu màu phát ra từ thân của Ngài. (Chúng ta không có lá cờ Phật Giáo nào ở đây. Lá cờ Phật Giáo biểu tượng cho sáu màu này -- xanh, vàng, đỏ, trắng, cam và sự trộn lẫn của năm màu này.) Tại sao như vậy? Sáu bộ sách kia thì không đủ sâu sắc cho trí tuệ siêu phàm của Đức Phật. Khi Ngài suy ngẫm về sáu bộ sách này, Ngài giống như là một con cá voi bị bỏ trong một cái chậu nhỏ. Con cá voi hầu như là chẳng rục rịch được trong cái chậu đó. Nhưng khi đến cuốn thứ bảy, thì đối tượng suy ngẫm không thể đo lường được và trí tuệ của Ngài cũng không thể đo lường được. Trí tuệ của Ngài có thể nắm bắt được tất cả những thiên biến vạn hóa của đối tượng, và đối tượng cũng có thể được suy diễn theo bất cứ phương diện nào và sâu thẳm như thế nào tùy theo trí tuệ của Ngài. Khi Ngài suy ngẫm đến bộ thứ bảy, Ngài giống như con cá voi đã được thoát ra đại dương. Con cá voi có thể vùng vẫy một cách dễ dàng. Và do đó, Ngài rất là hoan hỷ. Khi mà tinh thần được thoải mái, phần vật lý của cơ thể sẽ bị ảnh hưởng đến. Cho nên hào quang đã phóng ra từ thân Ngài. Paṭṭhāna là bộ sách tuyệt diệu nhất trong bảy bộ sách và cũng là bộ sách lớn nhất.

Như vậy là có tất cả bảy bộ sách về Abhidhamma. Nhưng chúng ta sẽ không nghiên cứu bảy bộ sách này. Cái mà chúng ta sẽ nghiên cứu chỉ là một sự tiếp cận đến những bộ sách này. Nói tóm lại thì các bạn phải đi một chặng đường khá dài đây.

Những Chú Giải, Phụ Chú Giải Và Phụ Phụ Chú Giải

Rồi thì chúng ta có những Chú Giải. Vì quá cô đọng, những bộ sách Abhidhamma này rất khó hiểu. Cho nên chúng taphải cần có ai đó giải thích và trình bày rõ ràng về những điều được dạy trong những bộ sách này. Những Chú Giải từ đó đã được ra đời. Có những Chú Giải được viết bởi Ngài Buddhaghosa. Ngài Buddhaghosa là một bình luận gia rất nổi tiếng và lừng danh mà đã sống vào thế kỷ thứ năm sau Công Nguyên. Những gì Ngài viết không phải tất cả là của Ngài. Ngài giống như là một biên tập viên vậy. Ngài biên soạn những giáo lý mà đã được tụng đọc và thuyết giảng trước thời của Ngài, và rồi Ngài đặt chúng vào chung một bộ sách. Những gì Ngài viết hay những gì được bao gồm trong những Chú Giải của Ngài có thể xuất nguồn vào tận thời của Đức Phật, bởi vì những lời giải thích này đã được truyền lại từ thầy xuống trò, từ nhiều thế hệ. Một vài giải thích ghi lại trong những Chú Giải của Ngài đã có thể là những chú giải của chính Đức Phật. Cho nên chúng ta rất tôn trọng những Chú Giải này của Ngài. Ngài Buddhaghosa đã viết những Chú Giải như sau:

- Atṭhasālinī,
- Sammohavinodanī, và
- Pañcappakaraṇa-aṭṭhakathā

Ba bộ sách này là những Chú Giải của bảy bộ sách Abhidhamma.

Đôi lúc chúng ta nhận ra rằng những Chú Giải này vẫn còn khó hiểu. Chúng ta vẫn cần những bộ sách khác để giải thích những Chú Giải này. Cho nên chúng ta có những Phụ Chú Giải, được gọi là Mūlaṭīkā. Những Phụ Chú Giải được viết bởi Trưởng lão Ānanda. Chúng ta không biết chính xác thời đại của những tác giả này. Cho nên những thời điểm ghi nhận lại chỉ là tương đối, vào khoảng thế kỷ thứ năm và khoảng thế kỷ thứ mười một sau Công Nguyên. Những Phụ Chú Giải được gọi là Anuṭīkā, thì được viết bởi Trưởng lão Dhammapāla. Chúng ta cũng không biết chính xác Ngài đã sống vào thời điểm nào, nhưng chắc chắn là sau thời của Ngài Buddhaghosa. Và rồi lại có những luận thư về Abhidhamma của một vị tu sĩ khác có tên là Trưởng lão Buddhaddatta. Ngài là một vị đương thời với Ngài Trưởng lão Buddhaghosa. Lại nữa, có những luận thư của những vị tu sĩ khác. Trong số những luận thư đó, thì Abhidhammatthasaṅgaha là hay nhất và phổ biến nhất. Chúng ta sẽ sử dụng Abhidhammatthasaṅgaha cho khóa học của chúng ta.

Abhidhammatthasaṅgaha

Abhidhammatthasaṅgaha được viết vào thế kỷ thứ mười một sau Công Nguyên bởi Trưởng lão Anuruddha. Ngài là người bản xứ ở Nam Ấn Độ. Điều này là chắc chắn. Ngài đã viết ba bộ sách. Trong một bộ sách khác, Ngài có viết là Ngài sinh ra tại Kañcipura, Nam Ấn Độ. Cho nên Ngài là người bản xứ ở Nam Ấn Độ. Khi Ngài viết luận thư Abhidhammatthasaṅgaha này, chúng ta tin rằng Ngài đang sống tại Sri Lanka. Và trong luận thư nhỏ này¹⁰, tất cả những nền tảng cơ bản của Abhidhamma đã được đề cập đến. Các bạn nên quen thuộc với luận thư này bởi nó sẽ là chìa khóa để nghiên cứu và tìm hiểu toàn bộ Abhidhamma Piṭaka. Các bạn có thể mở bất kỳ bộ sách Abhidhamma nào, đọc và sẽ hiểu được. Bộ sách Abhidhammatthasaṅgaha này rất là gọn và súc tích. Ý của tôi là bộ sách này thì đủ để giúp chúng ta hiểu những bộ sách của Abhidhamma. Hiện tại cuốn cẩm nang phổ biến này được xem là tài liệu hướng dẫn không thể thiếu được cho Abhidhamma. Bất kỳ ai muốn hiểu những nền tảng cơ bản của Abhidhamma phải nên nghiên cứu tài liệu này trước. Cũng có những bộ sách khác nữa, nhưng chúng không tốt và hay bằng cuốn cẩm nang này.

Abhidhammatthasaṅgaha vẫn còn được xem là bộ sách giáo khoa cho những người mới bắt đầu vào học Abhidhamma tại Miến Điện và những quốc gia theo truyền thống Theravāda. Đối với Miến Điện, Abhidhamma là môn học rất phổ biến cho các tu sĩ Miến Điện. Abhidhamma đã trở thành rất phổ biến kể từ khi Phật Giáo được truyền bá vào Thượng Phần Miến Điện vào năm 1057 sau Công Nguyên. Khoảng vào năm 1044 sau Công Nguyên, có một vị vua có tên là Anawrahta (Anuruddha). Có lẽ một số trong các bạn đã từng đến Bagan. Vào thời điểm đó, một

¹⁰ Nó là một cuốn sách khá nhỏ, ít hơn 100 trang, có lẽ là khoảng 80 trang.

dạng hình tượng mất giá trị của Phật Giáo Mật Tông đã được truyền hành tại đó. Một ngày nọ, đức vua này đã gặp được một vị tu sĩ từ miền Nam Miến Điện và đã được chuyển hóa theo Phật Giáo Theravāda. Sau này, ông đã tìm cách thỉnh được những bộ sách Tipiṭaka từ vương triều Thaton tại Hạ Phần Miến Điện về đây. Bắt đầu từ thời gian đó trở đi, các tu sĩ tại Bagan và phần còn lại của Miến Điện đã chú tâm vào việc nghiên cứu Theravāda Tipiṭaka một cách nhiệt huyết. Abhidhamma đã trở thành một môn học nghiên cứu rất phổ biến và vẫn còn rất phổ biến tại Miến Điện ngày nay. Nhiều luận văn bằng cả tiếng Pāli và Miến Điện đã được viết ra. Vào năm 1968, Hội Đồng Buddha-Sāsana đã cho phát hành bộ sách đầu tiên của Abhidhamma bằng tiếng Miến Điện. Trong phần giới thiệu, danh sách những bộ sách hiện có và được viết bởi các tác giả người Miến Điện đã được liệt kê. Họ đã viết rất nhiều, đến 333 bộ sách -- một vài bằng tiếng Pāli, một vài bằng tiếng Miến Điện. Điều này cho thấy rằng Abhidhamma rất phổ biến, đặc biệt là đối với các tu sĩ người Miến Điện.

Những Buổi Học Ban Đêm

Rồi thì có những buổi học ban đêm. Chúng chỉ được tìm thấy ở Miến Điện mà thôi. Một vài bộ sách Abhidhamma phải được học vào ban đêm. Điều đó có nghĩa là chúng tôi học chúng vào ban ngày. Và đến ban đêm chúng tôi đến gặp thầy và tụng đọc lại những gì chúng tôi đã học. Vị thầy sẽ giải thích những đoạn nào khó hiểu. Hay là nếu chúng tôi mắc những lỗi sai, vị thầy sẽ chỉnh sửa lại. Thật ra chúng tôi phải học với vị thầy trong đêm tối không đèn. Không có đủ ánh sáng để đọc đâu, cho nên chúng tôi cũng không mang theo sách vở. Nói cách khác là chúng tôi học thuộc lòng vào ban ngày và rồi đến gặp vị thầy vào ban đêm và tụng đọc lại. Rồi chúng tôi đặt câu hỏi và vân vân. Một vài phần của bộ sách thứ nhất, bộ sách thứ ba, bộ sách thứ sáu và bộ sách thứ bảy của Abhidhamma là những chủ đề của những buổi học ban đêm. Đó là lý do tại sao tôi nghĩ rằng những tu sĩ người Miến Điện thì quen thuộc với những đề tài của Abhidhamma hơn là những tu sĩ của những quốc gia khác. Những buổi học ban đêm đó là một truyền thống của người Miến Điện chúng tôi. Và điều này vẫn còn xảy ra.

Abhidhamma là một môn học bắt buộc cho tất cả tu sĩ, sa-di và nữ tu sĩ tại Miến Điện. Nếu các bạn xuất gia và trở thành một tu sĩ hay là một sa-di, luận thư Abhidhammatthasaṅgaha sẽ được trao cho các bạn. Các bạn sẽ được yêu cầu là phải học thuộc lòng trước khi các bạn biết rõ ràng tài liệu này là về cái gì. Abhidhamma là một môn học bắt buộc. Chính vì vậy tất cả tu sĩ, sa-di và nữ tu sĩ người Miến Điện đều biết Abhidhamma. Cũng có nhiều cư sĩ tại gia đã nghiên cứu Abhidhamma. Họ thậm chí viết sách về Abhidhamma nữa. Họ dạy Abhidhamma cho anh chị em của họ. Cho nên có cư sĩ dạy cư sĩ, không phải chỉ có tu sĩ mới dạy cư sĩ đâu. Và có những kỳ thi về Abhidhamma và vân vân.

Những Bản Dịch Sang Tiếng Anh Của Abhidhammatthasaṅgaha

Tôi đã nói là chúng ta sẽ dùng luận thư Abhidhammatthasaṅgaha (kể từ đây về sau sẽ được đề cập đến là “Cẩm Nang”) hay bản dịch của nó cho khóa học này. Có ba bản dịch sang Tiếng Anh

của Abhidhammatthasaṅgaha. Bản thứ nhất được gọi là *Compendium of Philosophy* của U Shwe Zan Aung. Bản dịch này xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1910. Lời giới thiệu của bản dịch này rất là hay. Những chủ đề Abhidhamma khác nhau được thảo luận và giải thích trong bản dịch này. Nó bao gồm 76 trang.

Bản thứ hai được gọi là *Abhidhamma Philosophy*, Tập 1 của Tỳ Kheo J. Kashyap. Tài liệu này xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1942. Đây cũng là một bản dịch của Abhidhammatthasaṅgaha.

Bản dịch thứ ba là *A Manual of Abhidhamma* được viết bởi Trưởng lão Nārada. Bản dịch này xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1956. Tôi đã dùng bản dịch này cho những lớp học Abhidhamma của tôi cho đến ngày nay.

Gần đây có một bản dịch khác đã xuất hiện. Đó là *Comprehensive Manual of Abhidhamma* (kể từ đây về sau sẽ được đề cập đến là “CMA”). Chúng ta sẽ dùng tài liệu này như là sách giáo khoa cho lớp học này. Bản dịch này thật ra là một phiên bản của bản dịch của Ngài Nārada nhưng đã được biên soạn lại. Ban đầu các nhà biên tập cứ nghĩ là họ có lẽ sẽ biên tập lại một vài chỗ thôi. Nhưng trong quá trình biên tập, họ nhận ra rằng họ phải chỉnh sửa lại khá nhiều. Cho nên thật ra đây hầu như là một bản dịch mới của Abhidhammatthasaṅgaha. Tôi có một sự gắn bó cá nhân với phiên bản này. Những bản nêu tôi dùng ở đây đã được bao gồm trong đó và được ghi nhận trong phần giới thiệu. Tiến sĩ U Revata Dhamma, người biên tập bộ sách này, là bạn của tôi. Ông ta sống ở Anh Quốc. Tôi nghĩ cho đến hiện nay, đây là cuốn cẩm nang tốt nhất để nghiên cứu Abhidhamma.

Một Vài Tài Liệu Tham Khảo

Nếu các bạn muốn đọc thêm để hiểu rõ hơn về những Đại Hội Phật Giáo cũng như một chút lịch sử của Phật Giáo hay Tăng Đoàn, *Inception of Discipline and Vinaya Nidāna* là cuốn sách nên đọc. Thật ra, đây là bản dịch của “Chương Giới Thiệu” trong Chú Giải của Vinaya Piṭaka. Ở phần đầu trong Chú Giải của Vinaya, Ngài Buddhaghosa đã giới thiệu cho chúng ta về lịch sử của Phật Giáo cho đến thời điểm Phật Giáo được lưu truyền vào Sri Lanka. Cho nên Đại Hội Đầu Tiên, Thứ Hai và Thứ Ba được đề cập ở đây cùng với việc Vua Asoka đã gọi con trai và con gái của mình đến Sri Lanka để truyền bá Phật Giáo tại đó như thế nào. Trong tài liệu này, lịch sử của Phật Giáo theo truyền thống Theravāda đã được miêu tả và viết lại ở một mức độ nào đó. Nếu các bạn muốn biết về các Nikāya và các Piṭaka cũng như về các Đại Hội này, thì đây là cuốn sách nên đọc. Tôi nhắc lại, cuốn sách này được gọi là *Inception of Discipline and Vinaya Nidāna*. Vinaya Nidāna thì bằng tiếng Pāli. Trong cuốn sách này, bản dịch được trình bày trước và rồi bản Pāli được kèm theo sau. Tài liệu này ở một mức độ nào đó sẽ giới thiệu cho các bạn về lịch sử của Phật Giáo dưới cặp mắt của Phật tử Theravāda. Tôi nghĩ như vậy là đủ cho hôm nay.

Sādhū! Sādhū! Sādhū!

Hãy Kiên Nhẫn

Để tôi chia sẻ với các bạn điều này. Đối với nhiều người trong số các bạn, Abhidhamma là một môn học rất mới lạ. Cho nên hãy kiên nhẫn. Nếu các bạn không hiểu một điều gì chỗ này hay chỗ kia, đừng vội thất chí. Các bạn phải kiên nhẫn. Tôi luôn luôn nói với mọi người rằng, việc học Abhidhamma giống như trò chơi lắp ghép hình vậy. Bức hình sẽ luôn luôn không hoàn tất cho đến khi nào các bạn đặt vào mảnh cuối cùng. Đôi lúc có thể các bạn tò mò muốn biết một điều gì đó. Nhưng hãy kiềm chế lại. Các bạn sẽ hiểu rõ về sau. Hãy kiên nhẫn.

Cũng Đừng Sợ Pāli

Cũng đừng sợ những từ ngữ Pāli. Chúng ta không thể hoàn toàn tránh sử dụng từ ngữ Pāli được. Trái lại, chúng ta luôn luôn phải sử dụng từ ngữ Pāli vì đôi lúc sự chuyển dịch sang ngôn ngữ khác không đủ chuyển tải hết ý nghĩa. Cho nên, để các bạn khỏi hiểu lầm, tôi sẽ phải dùng luôn cả Pāli. Cho nên đừng sợ từ ngữ Pāli. Sau khi tập nhớ và quen với một vài từ, các bạn sẽ thấy là nó không khó lắm đâu. Điều hiển nhiên và không thể tránh khỏi là các bạn phải biết một vài từ ngữ Pāli. Hãy nghĩ như thế này, nếu các bạn học hay nghiên cứu một vấn đề mới mẻ, các bạn phải học và biết vài thuật ngữ liên quan. Ví dụ, nếu các bạn nghiên cứu Zen, các bạn phải học ít nhiều tiếng Nhật. Cũng theo cách đó, các bạn phải học một vài từ ngữ Pāli. Cho nên đừng có sợ từ ngữ Pāli. Trong CMA, nguyên bản Pāli của Abhidhammatthasāṅgaha có kèm theo trong đó. Các bạn có thể thử đọc nguyên bản Pāli đó.

2. Hai Loại Sự Thật

Sự Thật Là Gì?

Chúng ta sẽ nghiên cứu hai loại sự thật mà được công nhận trong Phật Giáo hay trong giáo lý của Đức Phật. Bất kỳ lúc nào mọi người nói về sự thật, họ nói là chỉ có duy nhất một loại sự thật. Những người khác nhau thì giải thích bằng những cách khác nhau. Nhưng chính vì điều đó, không thể có một sự thật được, mà có nhiều sự thật. Nếu các bạn hỏi một người theo Thiên Chúa Giáo sự thật là gì, các bạn nhận được một câu trả lời. Nếu các bạn hỏi một người theo Hindu Giáo sự thật là gì, các bạn sẽ nhận được một câu trả lời khác. Cho nên, sự thật có thể khác nhau tùy thuộc vào loại người mà các bạn hỏi.

Theo Phật Giáo, sự thật đơn giản có nghĩa là một cái gì đó đúng và thật, hoặc là theo chế định hoặc là theo chân đế. Có một vài điều là thật chỉ do theo chế định, do theo cách dùng hay theo cách diễn đạt bởi một nhóm người nào đó, hay là do được chấp nhận bởi công chúng. Trong khi đó, có một vài điều lại là thật theo chân đế. Bất chấp điều đó là thật theo chế định hay theo chân đế, nó đều được gọi là sự thật trong Phật Giáo.

Bởi vì một cái gì đó đúng và thật, được gọi là sự thật, không có nghĩa sự thật phải là tốt. Sự thật không hẳn phải là cao thượng. Sự thật có thể là bất cứ cái gì, miễn là cái đó đúng như được miêu tả. Dẫn chứng là: Tham ái là một trạng thái tinh thần bất thiện và được Đức Phật dạy là Tập Đế trong Tứ Diệu Đế. Tập Đế là tham ái. Tham ái là một trạng thái tinh thần bất thiện cho kết quả xấu, tức là xấu, không có cao thượng. Nhưng nó vẫn được gọi là sự thật trong Phật Giáo. Cho nên sự thật không nhất thiết phải là tốt hay cao thượng. Sự thật có thể tốt hay có thể xấu, có thể cao thượng hay có thể hạ liệt, nhưng phải là thật. Khi tôi nói lửa thì cháy, thì sự cháy là sự thật về bản chất của lửa. Đó là sự thật. Cho nên trong Phật Giáo, tham ái là sự thật. Tỉnh thức (Niệm) -- tất cả các bạn đều thực hành thiền tỉnh thức -- là sự thật. Trí tuệ là sự thật. Sự tập trung (Định) là sự thật. Trong Phật Giáo, sự thật không nhất thiết phải là tốt. Sự thật có thể là tốt hay xấu, cao thượng hay hạ liệt. Bất cứ cái gì đúng theo chế định hay theo chân đế, thì là sự thật.

Hai Loại Sự Thật Được Chấp Nhận Trong Phật Giáo

Trong Phật Giáo, hai loại sự thật được chấp nhận. Loại thứ nhất là sự thật chế định. Loại thứ hai là sự thật chân đế. Như vậy, sự thật chế định là cái gì đó thật theo nghĩa chế định, và sự thật chân đế là cái gì đó thật theo nghĩa chân đế. Hai loại sự thật này luôn luôn hiện hữu trên thế gian.

Sự Thật Chế Định

Sự thật chế định là cái gì? Sự thật chế định là cái phù hợp với quy ước hay điều luật của thế gian. Vào thời tiền khởi, tức là vào những ngày đầu tiên của loài người trên trái đất này, mọi vật đã được đặt tên với sự thỏa thuận và chấp nhận của mọi người. Đó là sự ra đời của các tên gọi. Ví dụ, một con vật đã được biết đến và được chỉ định là “con mèo”. Và điều đó đã được chấp nhận bởi tất cả mọi người. Nếu các bạn muốn đề cập đến con vật đó, các bạn phải nói từ “con mèo”. Đó là quy ước. Sự thật chế định là cái được chấp nhận bởi số đông mọi người, được chấp nhận bởi “sự đồng ý chung”. Trước đây tôi đã ngại dùng cái thành ngữ “sự đồng ý chung” này. Nhưng hôm qua, tôi có đọc một cuốn sách và cái thành ngữ này được dùng trong đó. Cho nên tôi rất là vui. Trong cuốn sách đó có nói rằng: “Mọi người đã đơn giản có sự đồng ý chung rằng, một nhóm chữ viết hay một nhóm phát âm nào đó sẽ đại diện cho một vật hay một ý tưởng được chỉ định.” Chúng ta có sự đồng ý chung bởi tất cả mọi người rằng: Chúng ta hãy gọi cái này là một người đàn ông. Chúng ta hãy gọi cái này là một người đàn bà. Chúng ta hãy gọi cái này là một con mèo, một con chó và vân vân. Đó là sự thật chế định.

Giả sử có một con mèo ở đây. Rồi tôi nói, “Có một con mèo.” Tôi đang nói sự thật. Tôi không có nói dối với các bạn bởi vì con vật mà được chấp nhận là con mèo thì đang ở đây. Đó là một loại sự thật, mà được gọi là sự thật chế định. Hay chúng ta có thể lấy ví dụ về chiếc xe. Các bạn đến đây bằng cách nào? Các bạn đến đây bằng chiếc xe. Khi các bạn nói các bạn đến đây bằng chiếc xe, các bạn không nói dối với tôi. Các bạn đang nói sự thật, một sự thật chế định. Đúng là các bạn đến đây bằng chiếc xe. Cái sự thật chế định “chiếc xe” hay cái vật mà được đại diện

bởi cái tên “chiếc xe” là một sự thật, một sự thật chế định. Điều đó cũng tương tự đối với cái nhà, người đàn ông, người đàn bà. Các bạn có thể nêu lên nhiều ví dụ khác nữa. Mọi thứ trên thế gian này, mà được định danh là một cái gì đó, đều có thể là một sự thật chế định.

Sự thật chế định được gọi là Sammuti-sacca trong Pāli. Tôi muốn các bạn quen thuộc với những từ này, Sammuti-sacca. “Sammuti” nghĩa là khái niệm chung hay là sự đồng ý chung. “Sacca” nghĩa là sự thật. Có lẽ các bạn đã gặp cái thành ngữ “Cattāri Ariyasaccāni”. Từ “Sacca” là sự thật. Loại sự thật này được gọi là Sammuti-sacca hoặc là sự thật chế định.

Sammuti-sacca cũng còn được gọi là Paññatti. Paññatti được dịch là khái niệm. Trong bản dịch của cuốn Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) của mình, Ngài Ñāṇamoli đã đưa ra một số thông tin về những khái niệm, Paññatti. Ngài đã kết luận rằng:

“Tất cả điều này nói lên rằng, từ “paññatti” mang ý nghĩa của một trong hai: tên gọi hay khái niệm, hoặc cả hai, và rằng không có từ ngữ nào là tương đương tuyệt đối.” (Visuddhimagga, VII, n.11, p.781)

Thật vậy, không có từ ngữ nào thật sự tương đương với từ “Paññatti”. Chúng ta hãy chấp nhận từ “khái niệm” là chuyển nghĩa của từ này vậy.

Nāma-paññatti

Paññatti và Paramattha là đối ngược nhau. Paramattha sẽ được đề cập đến sau. Ở đây, sự thật chế định cũng được gọi là Paññatti. Có hai loại Paññatti. Tôi nghĩ các bạn chỉ cần hiểu chừng này là đủ rồi. Nếu các bạn không kiên nhẫn và muốn biết thêm về Paññatti, các bạn có thể đọc phần cuối trong chương tám của cuốn Abhidhammatthasaṅgaha (cũng có thể xem CMA, VIII, §§29-32, p.325-328). Chương đó giảng giải về Paññatti hay những khái niệm. Ở đây chúng ta chỉ cần hiểu hai loại Paññatti, hai loại khái niệm. Loại thứ nhất được gọi là Nāma-paññatti. Nāma ở đây có nghĩa là danh. Từ “Nāma” có nghĩa là danh hay là ý, những hiện tượng tâm linh. Nhưng ở đây nó có nghĩa là danh. Cho nên, Nāma-paññatti có nghĩa là danh chế định. Danh chế định có nghĩa là những cái tên được đặt cho những đối tượng. Những cái tên này giúp cho mọi thứ được biết đến. Cho nên chúng được gọi là “Nāma-paññatti” trong Pāli. Cái từ “Paññatti” có hai nghĩa. Một nghĩa là chủ động và một nghĩa là bị động. “Paññatti” có nghĩa là một cái gì đó mà giúp cho một cái khác được biết đến, ví dụ như một cái tên để làm cho cái mà nó ám chỉ được biết đến. Nāma-paññatti là những cái tên được gán cho những đối tượng. Ví dụ, khi chúng ta nói “chiếc xe”, cái tên “chiếc xe” giúp cho cái vật có bốn bánh được biết đến. Có hàng ngàn và hàng ngàn những cái Paññatti. Ở đây trong phòng này, các bạn thử xem có bao nhiêu cái Paññatti? Các bạn có thể tìm thấy khoảng mười, hai mươi hay ba mươi cái. Người đàn ông, người đàn bà, cái nhà, cái máy quay phim, cái máy thu âm, vân vân: chúng được gọi là Nāma-paññatti.

Attha-paññatti

Loại thứ hai được gọi là Attha-paññatti. “Attha” ở đây có nghĩa là một vật thể. Attha-paññatti là vật chế định. Như vậy, những đối tượng được chuyển đạt bởi những cái tên hay những khái niệm là Attha-paññatti. Đó là những đối tượng được đại diện bởi những cái tên này. Chúng được gọi là Paññatti bởi vì chúng được làm cho mọi người biết đến. Ở đây chúng ta lấy cái nghĩa bị động của từ “Paññatti”. Đôi lúc một từ có hai nghĩa thì tốt. Nhưng có lúc điều đó lại khó hiểu bởi vì nó có thể có nghĩa cả hai thứ. Cho nên chúng ta phải hiểu cái nghĩa nào được dùng trong cái ngữ cảnh đưa ra. Trong “Attha-paññatti”, từ “Paññatti” có nghĩa là cái gì đó được làm cho mọi người biết đến, một cái gì đó được làm cho mọi người biết bởi một Nāma-paññatti, tức là bởi một cái tên. Chúng ta một lần nữa hãy lấy ví dụ chiếc xe. Chúng ta có cái tên “chiếc xe”. Và chúng ta có cái vật mà chúng ta gọi là “chiếc xe”. Cái được gọi là chiếc xe là Attha-paññatti, vật chế định. Cái tên “chiếc xe” là Nāma-paññatti. Trong hầu hết mọi trường hợp, luôn luôn có hai cái Paññatti này đi cùng với nhau -- Nāma-paññatti và Attha-paññatti. Một cái nhà -- cái tên “cái nhà” là Nāma-paññatti. Cái được gọi là cái nhà, là Attha-paññatti. Một người đàn ông -- cái tên “đàn ông” là Nāma-paññatti. Cái vật thể được gọi là người đàn ông là Attha-paññatti. Trong hầu hết mọi trường hợp, chúng ta có thể có cả hai Nāma-paññatti và Attha-paññatti cho những cái vật này.

Khi chúng ta nói các đối tượng, chúng ta muốn nói tới cả đối tượng thể chất và đối tượng tinh thần. Những trạng thái tinh thần là các đối tượng. Những trạng thái vật chất cũng là các đối tượng.

Phassa là cái tên được dùng để chỉ cho cái trạng thái tinh thần được gọi là xúc. Nó là sự tiếp xúc của tâm trí với đối tượng. Trong trường hợp này, chúng ta có thể có cả hai Paññatti, Nāma-paññatti và Attha-paññatti, không? Chúng ta chưa đề cập đến Paramattha, sự thật chân đế. Xúc hay Phassa là một trong những sự thật chân đế. Cho nên trong trường hợp của Phassa, chúng ta có thể có Nāma-paññatti bởi vì Phassa là một cái tên. Tuy nhiên, chính sự xúc chạm thì không được gọi là Attha-paññatti. Phassa là Paramattha, tức là sự thật chân đế. Đối với những cái tên được đặt cho những cái thuộc về chân đế, chúng ta có Nāma-paññatti và Paramattha, sự thật chân đế -- không phải Nāma-paññatti và Attha-paññatti. Đối với những cái khác, những cái mà không thuộc về sự thật chân đế, thì chúng ta có thể có cả hai khái niệm hay hai Paññatti, Nāma-paññatti và Attha-paññatti. Các bạn có thể thấy rất nhiều Nāma-paññatti và Attha-paññatti xung quanh các bạn.

Chúng ta khó có thể sống được mà không dùng những khái niệm hay những tập quán chế định này. Chúng ta không thể tránh khỏi việc sử dụng những từ ngữ chế định, ngôn ngữ chế định khi chúng ta giao tiếp với những người khác. Điều đó bởi vì chúng ta sống trong cái thế giới chế định này. Chúng ta phải dùng những thành ngữ quy ước này để những người khác hiểu chúng ta muốn nói gì. Nếu không, thì sẽ có sự nhầm lẫn lớn. Một người đàn ông thì được tạo bởi ngũ uẩn. Một người đàn bà cũng được tạo bởi ngũ uẩn. Nếu một ai đó nói một nhóm ngũ uẩn đến viếng chùa, các bạn không biết đó là một người đàn ông hay một người đàn bà. Cho nên chúng ta không thể sống thiếu những từ ngữ quy ước khi chúng ta nói hoặc giao tiếp với nhau. Nhưng

chúng ta phải hiểu chúng ta đang nói về sự thật chân đế nào khi chúng ta dùng những từ ngữ chế định này.

Paññatti Là Vượt Thời Gian

Những cái này được gọi là những khái niệm. Những khái niệm được xem là không liên quan đến thời gian, vượt ngoài thời gian, không có thời gian. Có nhiều người muốn tranh cãi về điều này. Theo đúng nghĩa thì Paññatti hay chế định hay khái niệm không có tồn tại. Paññatti là cái gì? Các bạn không thể nắm bắt nó trong tay của các bạn. Ví dụ, một cái tên -- một cái tên là một cái tên. Chúng ta không thể nói một cái tên sinh lên, tồn tại một thời gian và rồi biến mất. Một cái tên là một cái tên bởi vì nó tồn tại trong trí của chúng ta. Chúng là sản phẩm của trí óc tạo ra. Chúng ta nghĩ về chúng như là một cái gì đó và rồi chúng ta sử dụng cái chỉ định đó. Bởi vì Paññatti chỉ tồn tại trong trí óc của chúng ta, nó thật sự không có thực tại, không có hiện hữu. Đó là lý do tại sao chúng ta không thể nói khái niệm là quá khứ, khái niệm là hiện tại hay khái niệm là tương lai. Nó vượt ngoài khung thời gian. Đó là lý do tại sao Paññatti được gọi là vượt thời gian. Chỉ có những hiện tượng mà có ba giai đoạn: một sự khởi đầu, một giai đoạn định trụ, và một sự biến mất, thì được gọi là có tồn tại. Những thứ mà không có ba giai đoạn này của sự tồn tại -- khởi sanh, lão hóa và chết -- chúng ta không gọi nó là tồn tại. Những sự vật và những cái tên được đặt cho chúng thì không tồn tại trong thực tại. Các bạn có thể tranh cãi rằng: Các bạn tồn tại là một con người. Một con người là một sự chế định hay một khái niệm. Cái tên là một khái niệm và con người cũng là một khái niệm. Con người thật sự không có tồn tại. Cái mà thật sự tồn tại là ngũ uẩn. Nhưng chúng ta gọi cái nhóm ngũ uẩn này là một người đàn ông, một người đàn bà, một con người và vân vân. Một người đàn ông, một người đàn bà, một con vật hay một cái gì đó chỉ là những sự phóng chiếu hay những sự kiến tạo do đầu óc tạo ra. Chúng ta cho rằng chúng tồn tại mặc dầu thật sự chúng không tồn tại theo phương diện chân đế. Theo phương diện chế định, chúng tồn tại. Bởi vì những khái niệm không có sanh khởi, không có lão hóa và không có biến mất, cho nên chúng được gọi là vượt ngoài thời gian. Cho nên Paññatti được nói là vượt thời gian, giống như Nibbāna. Nibbāna không có cái bắt đầu, không có sự sinh khởi. Cho nên nó không có sự biến mất, không có kết thúc. Đó là lý do tại sao Nibbāna cũng được gọi là vượt thời gian. Cũng như vậy, Paññatti được gọi là vượt thời gian.

Có thể chúng ta nói là nếu chúng ta gọi một cái gì đó bằng một cái tên thì nó sanh lên tại ngay lúc đó. Hãy lấy ví dụ chiếc xe. Đó là ví dụ mà tôi thích nhất. Một ai đó đã phát minh ra chiếc xe và rồi ông ta gọi cái đó là một chiếc xe. Có thể các bạn tranh luận rằng cái quy ước hay cái Paññatti “chiếc xe” sanh lên tại lúc đó. Thật ra, bởi vì cái Paññatti đó chỉ là ở trong đầu óc của các bạn mà thôi và không phải là một vật chân đế, chúng ta không thể nói cái Paññatti đó đã sanh lên tại thời điểm đó hay là có tồn tại.

Chúng ta có thể hiểu rõ hơn với ví dụ về tên gọi. Các bạn đặt tên cho một đứa trẻ. Các bạn gọi nó bằng cái tên đó. Nhưng chúng ta không thể nói cái tên đó khởi sanh lên lần đầu tiên vào lúc nào. Và rồi khi mọi người dùng cái tên đó, nó dường như là hiện hữu. Khi mọi người quên cái tên đó đi, nó dường như là biến mất. Sau này có một ai đó quay lại và nói rằng đã từng có một

người có cái tên như vậy cách đây khoảng 100 năm. Thì chúng ta lại nhớ đến cái tên đó. Cho nên cái tên đó là một khái niệm và vượt ngoài thời gian. Nó không phải là hiện tại, không phải là quá khứ và không phải là tương lai.

Sự Thật Chân Đế

Loại sự thật thứ hai là sự thật chân đế. Chúng ta quan tâm đến sự thật chân đế nhiều hơn bởi vì Abhidhamma đề cập và liên quan đến sự thật chân đế nhiều hơn. Sự thật chân đế là gì? Sự thật chân đế là cái mà tuân theo với thực tại. Trong luận thư này (Xem CMA, I, Guide to §2, p.25), điều sau đây đã được nói đến: nếu cái gì đó có thể được chia nhỏ ra, thì nó không phải là sự thật chân đế. Sự thật chân đế là cái không thể chia nhỏ ra được nữa. Sự thật chân đế là cái vật cuối cùng mà các bạn không thể chia nhỏ ra được nữa. Đó là sự thật chân đế.

Một con người hay chúng ta hãy lấy ví dụ một người đàn ông đi, cái tên “người đàn ông” là một danh chế định. Con người đó là một vật chế định. Cái thật trong con người đó là năm uẩn. Năm cái uẩn này có sự khởi đầu. Chúng cũng lão hóa. Và cuối cùng thì chúng diệt đi. Chúng có sự tồn tại riêng của chúng. Vì vậy chúng được gọi là sự thật chân đế. Nếu chúng ta chia nhỏ cái chúng ta gọi là một con người ra thành những yếu tố không thể chia nhỏ được nữa, thì chúng ta có năm uẩn hay chúng ta có thể nói chúng ta có danh và sắc. Ngũ uẩn này hay những thành viên của ngũ uẩn này được gọi là sự thật chân đế bởi vì chúng là thật. Chúng tồn tại thật sự và Chúng tồn tại trong quyền hạn của chúng.

Tâm là Citta. Citta là một sự thật chân đế. Điều đó là thật sự như vậy. Tâm có đủ ba chặng của sự tồn tại -- khởi sinh, lão hóa và biến mất. Sau khi trải qua ba chặng hay ba giai đoạn này, một cái tâm sẽ biến mất và rồi một cái tâm khác sẽ sinh lên. Bởi vì tâm có sinh khởi, lão hóa và biến mất, chúng ta nói nó tồn tại theo nghĩa chân đế. Sự thật chân đế là cái mà tuân theo thực tại.

Sự thật chân đế được gọi là Paramattha-sacca trong Pāli. Paramattha được định nghĩa là sự thật tối thượng hay đúng đắn. Chúng ta có thể nói sự thật tối thượng hay là sự thật đúng đắn. Tại sao? Bởi vì nó thật sự là vậy. Nó không có gì khác hơn như là đã được miêu tả. Nó không bị quay tròn. Nó không phải là cái đảo ngược của cái mà nó được miêu tả. Nó không phải là cái đối nghịch của cái mà người ta nói về nó. Nó không sai. Đó là cái mà chúng ta gọi là chân đế hay sự thật chân đế. Khi chúng ta nói về tâm thức, điều đó có thật. Tâm thật sự tồn tại. Cho nên tâm được gọi là sự thật chân đế.

Sự thật chân đế không phải như những thứ được thấy tại những buổi trình diễn ảo thuật hay phản chiếu từ trong gương. Tại những buổi trình diễn ảo thuật, người ta biến ra những thứ từ hư không. Chúng ta nghĩ là người ta đang tạo ra một thứ gì đó thật sự. Nhưng thật ra chúng là những mảnh khoe. Đôi lúc chúng dường như là thật đến nỗi mà chúng ta muốn tin là người ta đang biến ra những thứ đó thật. Nhưng thật ra những thứ đó là không thật. Chúng chỉ là những ảo tưởng. Cũng như vậy, cái mà chúng ta gọi là một người đàn ông, hoặc một người đàn bà, hoặc là một chiếc xe, hoặc là một ngôi nhà chỉ là ảo tưởng mà thôi. Những cái đó không phải

thật. Cái thật là những cái được bao gồm và chứa đựng trong những cái chế định này.

Tôi đoán là các bạn đã từng thấy một ảo ảnh. Cái đó giống như nước. Từ xa, mọi người nhìn thì cứ tưởng là có nước. Rồi họ đi theo cái đó, nhưng họ chẳng bao giờ đến được cái đó. Cái đó đi theo cùng với họ. Trong Pāli, cái đó được gọi là “sự khao khát của những con hươu”. Những con hươu thấy cái ảo ảnh từ xa. Khi chúng khát nước, chúng sẽ đi theo cái ảo ảnh đó cho đến chúng ngã gục và chết. Một ảo ảnh là một cái không có thật. Nếu các bạn đã từng thấy cái này, các bạn sẽ thấy nó giống như thật. Giống như là có nước ở đó. Khi bạn cố gắng đến gần, nó lại càng đi xa ra hơn. Đó là một ảo tưởng.

Paramattha, vật tối thượng, thì không phải như vậy. Paramattha là thật và thật sự hiện hữu. Đó là lý do tại sao nó được gọi là vật tối thượng.

Một nghĩa khác của Paramattha là hiện tượng hay sự vật có thể được nhìn thấy bởi chính tự bản thân chúng ta. Có nghĩa là điều đó có thể được nhận ra hay trải nghiệm bởi chính tự bản thân chúng ta.

Những sự thật chân đế thì không giống như những thứ được biết bởi tin đồn mà có thể là thật hay không thật. Khi chúng ta nghe một cái gì đó về một ai đó từ một ai đó, thì điều đó có thể là thật hay là không bởi vì đó chỉ là tin đồn. Chúng ta không thể chắc là nó thật sự đúng bởi điều đó có thể sai. Chính chúng ta chưa thấy điều đó. Một khi chính chúng ta thấy nó, và chúng ta biết nó thật sự là như vậy. Rồi thì chúng ta mới kết luận điều đó là thật. Những thứ mà chúng ta nghe từ tin đồn hay từ thông tin từ những người khác thì có thể đúng hay không đúng. Những thứ như vậy không được gọi là Paramattha. Để được gọi là Paramattha, chúng phải được trải nghiệm bởi chính tự chúng ta.

Chúng ta hãy lấy tâm thức làm ví dụ. Đặc biệt khi các bạn hành thiền, các bạn biết tâm có thật. Các bạn biết là tâm trí của các bạn nghĩ tới chỗ này nghĩ tới chỗ kia. Các bạn có thể kinh nghiệm hay thấy điều đó cho chính mình. Các bạn thấy điều đó không phải thông qua sách vở hay từ các buổi thuyết giảng hay bằng suy cứu, mà là bằng chính kinh nghiệm của các bạn. Một vài sự việc, mà được trải nghiệm bởi chính chúng ta, thì được gọi là những sự thật chân đế.

Một ví dụ khác là cảm thọ -- rất là thật. Các bạn ngồi hành thiền và sau một thời gian, các bạn bị đau nhức. Đôi lúc sự đau nhức trở nên quá sức chịu đựng, các bạn phải từ bỏ. Điều này rất là thật. Các bạn có thể kinh nghiệm điều đó. Các bạn biết rằng cảm thọ là có thật. Các bạn biết có cảm thọ đau đớn. Hay nếu các bạn hạnh phúc, các bạn biết có cảm thọ vui vẻ. Chính các bạn tự biết bởi vì chính các bạn đã từng trải nghiệm điều đó. Các bạn không phải đi đến gặp một ai khác để xác nhận điều này. Cái gì mà các bạn trực tiếp kinh nghiệm bởi chính bản thân thì được gọi là sự thật chân đế. Nói một cách khác, sự thật chân đế có thể được xác nhận bằng chính kinh nghiệm cá nhân.

Định nghĩa này nói rằng nếu chính bản thân chúng ta chưa trải nghiệm chúng, chúng chưa phải là sự thật chân đế đối với chúng ta. Chúng ta có thể lấy Nibbāna làm ví dụ. Nibbāna là điều cao

thượng nhất trong những sự thật chân đế. Vì chúng ta chưa trải nghiệm Nibbāna, Nibbāna chưa phải là một sự thật chân đế đối với chúng ta. Tôi có thể nói, “Ước mong cho tôi chứng đạt Nibbāna” hay là “Ước mong cho các bạn chứng đạt Nibbāna” hay là “Tôi làm việc công đức này để cho tôi có thể chứng đạt Nibbāna.” Chúng ta luôn luôn nói như vậy. Khi chúng ta nói “Nibbāna”, cái Nibbāna mà chúng ta tưởng tượng trong trí của chúng ta không phải là cái Nibbāna thật. Nó chỉ là cái danh khái niệm, Nibbāna. Nhưng khi chính chúng ta trải nghiệm Nibbāna, khi chính chúng ta trải nghiệm sự giác ngộ của chúng ta, thì chúng ta sẽ biết Nibbāna thông qua kinh nghiệm trực tiếp. Chỉ đến lúc đó, Nibbāna mới trở thành sự thật chân đế cho bản thân chúng ta. Cho nên vì chúng ta chưa đạt đến giai đoạn đó, Nibbāna chưa phải là một sự thật chân đế cho chúng ta, mặc dầu nó là một sự thật chân đế.

Để một cái gì đó trở thành một sự thật chân đế, nó phải là thật như đã được tuyên bố. Nó không được phép khác đi một chút nào so với cái đã được tuyên bố. Nếu như tâm thức được nói rằng là có tồn tại, thì tâm thức là có tồn tại. Hơn nữa, tâm thức cũng phải được trải nghiệm hay nhận thức trực tiếp bằng tự chính bản thân.

Có những ví dụ để giải thích sự thật chân đế và sự thật chế định. Cái ví dụ hiển nhiên nhất là một cái nhà. Cái mà chúng ta gọi là một cái nhà thì không phải là sự thật chân đế. Sự thật chân đế là những bộ phận. Không có những bộ phận này thì không thể có cái nhà. Nếu các bạn gỡ bỏ từ từ những bộ phận này đi, các bạn sẽ không còn một cái nhà nữa.

Điều này cũng tương tự cho một người đàn ông. Nếu các bạn cắt người đàn ông đó thành những mảnh nhỏ, các bạn sẽ mất đi người đàn ông đó. Đó chỉ là một đồng những phần khác nhau của cơ thể đó. Cái này chỉ là một ví dụ thôi. Cái thật trong một người đàn ông chỉ là những bộ phận chứ không phải là cái tổng thể. Không có những bộ phận thì không có cái tổng thể đó.

Một ví dụ khác là một vòng tròn lửa. Cái này thì rất hiển nhiên. Một vòng tròn lửa có thật sự tồn tại không? Nếu tôi nhặt lên một cây đuốc và quay nó vòng vòng, các bạn sẽ nói là các bạn thấy một vòng tròn lửa. Nhưng các bạn biết là không có vòng tròn lửa nào cả. Cái tồn tại là lửa ở những điểm khác nhau trên chu vi của một vòng tròn. Trí óc của bạn đã lấy những điểm đó và tạo nên một vòng tròn. Thực sự là không có cái vòng tròn lửa. Mọi người đều biết điều đó. Cái vòng tròn lửa là Paññatti, không có tồn tại. Cái thật sự tồn tại là cái ánh sáng của ngọn lửa tại những điểm khác nhau, mỗi cái riêng biệt và mỗi cái tại mỗi thời điểm. Chúng ta rất thông thạo trong việc tạo ra những ý tưởng này, kết hợp những hình ảnh riêng biệt tạo ra một cái tổng thể để rồi chúng ta nghĩ là chúng ta thấy một vòng tròn lửa. Nhưng thật ra chúng ta không thấy một vòng tròn lửa.

Đó là vì đầu óc của chúng ta làm việc rất nhanh. Chúng ta không nhận ra điều đó khi mà chúng ta đang nói và trò chuyện một cách bình thường. Khi chúng ta quan sát một đứa trẻ tập đọc, chúng ta có thể thấy trí óc làm việc nhanh như thế nào. Khi một đứa trẻ học nói, nó phải đánh vần. Nó không thể đọc ngay lập tức được. Ví dụ nó phải đánh vần cái từ “two”. Rồi thì nó mới biết đó là từ “two”, nhưng các bạn thì lại biết từ “two” ngay lập tức. Các bạn không cần phải nghĩ gì cả. Các bạn nghĩ là các bạn không cần phải xây dựng cái từ đó. Nó trở thành bản năng đối với

các bạn. Các bạn chỉ đọc lên cái từ đó, cái từ “two” hay một từ dài hơn như là “comprehension” hay “meditation”. Để đọc một từ dài như là “comprehension”, các bạn phải đọc tất cả chữ cái. Rồi thì trí óc của các bạn xây dựng hay kết hợp những chữ cái đó thành một từ. Đối với một đứa trẻ, nó có thể cần đến hai giây đồng hồ, nhưng các bạn cần không đến một giây. Sự suy nghĩ này luôn luôn có cho chúng ta, nhưng đối với những thứ quen thuộc với chúng ta, chúng ta không để ý đến sự suy nghĩ này. Đối với những thứ không quen thuộc với chúng ta, thì sự suy nghĩ này hiển lộ ra rõ ràng.

Lấy ví dụ một đàn kiến. Có thật sự là có một đàn kiến không? Nếu các bạn tách riêng từng con kiến ra, các bạn mất đi cái tổ chức đó (tức là mất đi đàn kiến). Thực sự không có đàn kiến. Nhưng mọi người nói, “Tôi thấy một đàn kiến.” Trí óc của chúng ta xây dựng lên cái tổ chức đó, nhưng thực sự không có đàn kiến. Một đàn hay một dãy chỉ là một ảo tưởng. Chỉ có những con kiến riêng lẻ mới là thật.

Một đoạn dây thừng thì được tạo bởi những sợi chỉ và những sợi cáp. Nếu các bạn lấy đi từng những sợi chỉ, các bạn sẽ không có sợi dây thừng. Cái thật sự tồn tại chỉ là những sợi chỉ nhỏ, hay chỉ là những sợi cáp nhỏ. Nếu các bạn đặt chúng lại cùng với nhau, thì các bạn nói có một sợi dây thừng. Cái mà các bạn gọi là một sợi dây thừng thật ra chỉ là một ảo tưởng. Những cái thật sự tồn tại là những sợi chỉ nhỏ.

Các bạn nhìn một dòng sông và các bạn nghĩ là nước luôn luôn đứng một chỗ. Nhưng thật sự thì các bạn biết là cứ mỗi giây thì có nước mới chảy qua. Có nhiều ví dụ để chứng minh sự thật chân đế và sự thật chế định. Những cái này chỉ là một vài ví dụ. Ví dụ, đối với chiếc xe, chúng ta nói một chiếc xe là một sự thật chế định và các bộ phận của nó là sự thật chân đế. Dĩ nhiên thậm chí những bộ phận cũng không phải là sự thật chân đế. Nếu các bạn chia nhỏ những bộ phận ra nữa cho đến phần tử nhỏ nhất, thì cái phần tử đó mới là sự thật chân đế. Cho nên những phần tử nhỏ nhất của vật chất là sự thật chân đế.

Có hai loại sự thật -- sự thật chế định và sự thật chân đế. Abhidhamma phần lớn phân tích và giải thích về sự thật chân đế. Tôi nói “phần lớn” bởi vì có bảy bộ sách của Abhidhamma và chỉ có một bộ là liên quan đến những khái niệm. Nhân Chế Định (Puggalapaññatti) -- bộ sách này không phân tích và giải thích về sự thật chân đế. Bộ sách này đề cập về các loại người. Cho nên như tôi đã nói, Abhidhamma phần lớn phân tích và giải thích về sự thật chân đế.

Bốn Loại Sự Thật Chân Đế

Citta

Có bốn loại sự thật chân đế được chấp nhận trong Abhidhamma. Loại thứ nhất là Citta. Citta được dịch là tâm. Citta là gì? Citta là sự nhận biết cảnh một cách thuần túy. Ở đây sự nhận biết có nghĩa chỉ là sự nhận biết thuần túy, không phải là sự nhận biết chúng ta dùng trong thiền.

Trong thiền, chúng ta cũng dùng danh từ “sự nhận biết”. Sự nhận biết trong thiền thật ra là niệm. Trong định nghĩa của từ “Citta”, sự nhận biết có nghĩa chỉ là sự nhận biết đơn thuần, như là nhận biết một cái gì đó đang ở đó. Chỉ đơn giản như vậy. Sự nhận biết đối tượng một cách thuần túy hay đơn thuần này được gọi là “Citta” trong Abhidhamma. Cái từ “tâm” không diễn tả đầy đủ ý nghĩa cho cái từ Pāli “Citta”. Nhưng vì không có từ nào tốt hơn, cho nên chúng ta phải chấp nhận “tâm” là từ chuyển dịch cho từ “Citta”. Bất cứ lúc nào chúng ta dùng cái từ “tâm”, chúng ta nên hiểu theo nghĩa Abhidhamma, mà đừng theo cái nghĩa được dùng và biết bởi người thường. Tóm lại, tâm là sự nhận biết cảnh một cách thuần túy hay đơn thuần, tương tự như nước tức là trong trẻo và sạch sẽ.

Citta thì không bao giờ không đi kèm với đối tượng. Theo Abhidhamma, chúng ta không thể nào ngăn chặn tâm trí của chúng ta khỏi việc bắt cảnh thậm chí lúc chúng ta đang ngủ say. Khi ngủ say, chúng ta vẫn có dòng tâm thức diễn tiến. Và nếu đã có tâm, thì sẽ có cảnh cho tâm đó. Cảnh đó thì mờ nhạt. Cho nên chúng ta không nhận biết được cảnh đó. Thật sự thì có một cảnh. Cảnh đó có mục đích là để cho cái tâm đó bám vào. Thậm chí khi chúng ta ngủ say, thậm chí khi chúng ta ngất đi hay thậm chí khi chúng ta bị gây mê, tâm thức vẫn tiếp diễn. Tâm thức thì không bao giờ không đi cùng với cảnh. Tâm thức luôn luôn ở cùng với chúng ta. Bất kỳ chúng ta ngủ hay thức, hay chúng ta đang làm bất cứ cái gì, chúng ta luôn luôn có tâm thức. Trong đời sống của chúng ta, không có một giây phút nào mà chúng ta không có tâm thức. Theo cách nói thông thường, chúng ta hay nói anh ta bị bất tỉnh. Điều đó có nghĩa là anh ta đã mất tâm thức. Theo nghĩa thông thường thì đó là đúng. Nhưng theo Abhidhamma, anh ta vẫn có tâm thức. Vẫn có sự nhận thức về cảnh. Trong trường hợp này, đây là sự nhận thức về một cảnh mờ nhạt. Citta thì không bao giờ không đi cùng với cảnh. Và Citta thì luôn luôn có với chúng ta.

Phật tử chúng ta chấp nhận có sự tái sinh. Citta luôn luôn diễn tiến, nhưng không phải là thường hằng. Cái dòng chảy của Citta hay sự diễn tiến của Citta này luôn luôn hiện hữu. Những Citta thì luôn luôn có với chúng ta.

Có những từ đồng nghĩa với từ “Citta”. Tôi nghĩ các bạn nên hiểu rõ những từ này. Từ thứ nhất là Viññāṇa. Từ “Viññāṇa” được dùng trong công thức của Lý Duyên Khởi. Saṅkhāra-paccayā Viññāṇa. “Viññāṇa” có nghĩa là Citta. Đôi lúc “Mana” lại được dùng. Đôi lúc “Ceta” lại được dùng. Các bạn sẽ tìm gặp từ “Cetasika”. Loại sự thật chân đế tiếp theo là Cetasika. Trong Cetasika, các bạn có Ceta. Ceta có nghĩa là tâm trí. Rồi thì đôi khi tâm trí hay Citta lại được gọi là Manasa. Đôi khi thậm chí lại được gọi là Hadaya, nghĩa là trái tim. Trong tiếng Pāli và có lẽ trong những ngôn ngữ khác nữa, trái tim và trí óc được nối với nhau. Từ “trái tim” là một từ đồng nghĩa với Citta hay tâm thức hay trí óc. Chúng ta hay nói, “Anh ta có một trái tim tốt”. Điều đó không có nghĩa là chúng ta nói về trái tim vật lý. Chúng ta muốn nói là anh ta có một thái độ tinh thần tốt. Đây là những từ đồng nghĩa với từ “Citta”. Điều này đôi lúc xảy ra trong văn thơ khi mà các tác giả muốn dùng những từ khác nhau này để phù hợp với quy luật của bài thơ. Đôi khi các bạn chỉ cần hai âm tiết. Những lúc khác các bạn cần ba âm tiết. Khi các bạn cần ba âm tiết, các bạn sẽ dùng Viññāṇa. Khi các bạn chỉ cần hai âm tiết, các bạn có thể dùng Citta hay Mana. Nói tóm lại, những từ này là những từ đồng nghĩa của Citta.

Có 89 hay là 121 loại Citta (hay tâm) được chấp nhận và dạy trong Abhidhamma. Trong chương đầu tiên, chúng ta sẽ nghiên cứu những loại tâm khác nhau này một cách chi tiết.

Cetasika

Loại sự thật chân đế thứ hai là Cetasika. Các bạn thấy có từ “Ceta” ở đây. Cetasika được dịch là tâm sở hay còn gọi là những yếu tố tinh thần. Định nghĩa này có nghĩa là những cái gắn liền với Citta hay gắn liền cùng Citta. Hay nó có nghĩa là những cái mà sanh lên cùng với và phụ thuộc vào Citta. Đó là lý do tại sao chúng được gọi là Cetasika. Nói cách khác, những Cetasika là những cái mà sanh lên cùng chung với hay là cùng lúc Citta. Chỉ khi nào Citta sanh khởi lên, những Cetasika mới có thể sanh khởi lên. Nếu không có tâm sanh khởi, chúng không thể sanh khởi. Citta và những Cetasika sanh lên cùng một thời điểm, cùng một lúc. Thêm vào đó là nếu không có Citta, thì không thể có những Cetasika.

Citta là sự nhận biết cảnh một cách đơn thuần, giống như là một sự kết nối giữa chính các bạn và đối tượng. Nếu không có sự kết nối đó, làm thế nào một người có thể nhận biết đối tượng đó? Làm thế nào có thể có cảm thọ đối với đối tượng đó? Làm thế nào có thể có sự hiểu biết về cảnh đó? Làm thế nào có thể có sự bám víu vào cảnh đó? Để cho những trạng thái tinh thần hay những tâm sở này khởi lên, cần phải có Citta. Cho nên, Citta là một sự kết nối giữa các bạn và đối tượng đó và những Cetasika là những cái phụ thuộc vào Citta để sanh khởi lên và chúng sanh khởi lên cùng với Citta.

Có bốn đặc điểm của những Cetasika. Thật ra các bạn sẽ học về những đặc điểm này trong chương hai. Nhưng để cho các bạn hiểu sơ lược về những Cetasika là gì, tôi sẽ liệt kê chúng ở đây.

1. Chúng phải sanh lên cùng với Citta vào cùng một thời điểm hay cùng lúc.
2. Chúng phải hoại đi hay biến mất cùng với Citta.
3. Chúng phải có cùng cảnh với Citta. Nếu Citta bắt cảnh sắc, thì những Cetasika cũng bắt cảnh sắc. Không có hiện tượng Citta bắt một cảnh và những Cetasika bắt một cảnh khác. Điều đó không thể xảy ra. Citta và những Cetasika phải có cùng một cảnh.
4. Chúng phải có cùng một vật chung. Một vật chung nghĩa là -- ví dụ, nhãn thức phụ thuộc vào con mắt. Nếu các bạn không có mắt, các bạn sẽ không thấy gì cả. Và sẽ không có nhãn thức sanh lên. Nhãn thức được nói là phụ thuộc vào con mắt. Nhĩ thức phụ thuộc vào lỗ tai. Tỉ thức phụ thuộc vào lỗ mũi. Thiệt thức phụ thuộc vào cái lưỡi. Thân thức phụ thuộc vào xác thân. Ý thức phụ thuộc vào tâm trí. Citta và những Cetasika phải có cùng một vật. Nếu Citta phụ thuộc vào con mắt, thì những Cetasika cũng phải phụ thuộc vào con mắt. Đây là bốn đặc tính. Nếu bất cứ hiện tượng nào thỏa mãn bốn đặc tính này, thì hiện tượng đó được gọi là một Cetasika.

Có một vài sắc pháp sanh lên cùng với Citta và hủy diệt đi cùng với Citta. Nhưng chúng không

bất cảnh. Chúng không có cùng một vật. Cho nên chúng không được gọi là những Cetasika. Các bạn sẽ học và hiểu điều này sau.

Trở lại vấn đề hiện tại, ở trên là bốn đặc tính của những Cetasika. Để xem một cái gì đó có phải là một Cetasika không, chúng ta phải kiểm tra bốn đặc tính này. Nếu cái đó có bốn đặc tính này, thì chúng ta có thể nói nó là một Cetasika. Nó phải sanh lên cùng một lúc với Citta. Nó phải biến mất cùng một lúc với Citta. Nó phải có cùng đối tượng với Citta. Nó phải có cùng một vật hay nương tựa vào cùng một vật với Citta.

Có bao nhiêu Cetasika? Có 52 Cetasika. 52 Cetasika này được chấp nhận trong Abhidhamma. Chúng ta sẽ nghiên cứu những Cetasika trong chương hai của cuốn Cẩm Nang này (xin cũng xem CMA, II, §1, p.76).

Rūpa

Loại sự thật chân đế thứ ba là Rūpa. Từ Pāli là Rūpa. Dịch nghĩa là sắc pháp. Rūpa là gì? Rūpa là cái bị thay đổi khi tiếp xúc với những những nghịch duyên như lạnh, nóng, vân vân, đặc biệt là Rūpa trong cơ thể của các bạn. Khi các bạn đi dưới mặt trời nắng nóng, thì có một sự chuyển hóa liên tục về các sắc pháp. Rồi khi các bạn đi vào bóng mát, lại có một sự chuyển hóa liên tục khác về các sắc pháp. Khi các bạn tắm, lại có một loại chuyển hóa liên tục khác và cứ như vậy. Cái mà thay đổi tùy thuộc vào sự lạnh, nóng, đói, khát, và sự chích cắn của côn trùng thì được gọi là Rūpa hay sắc pháp. Thay đổi ở đây là sự thay đổi hiển nhiên và nhận thấy được. Tâm ý thay đổi nhanh hơn sắc pháp, nhưng tâm ý không được gọi là Rūpa. Sự thay đổi của tâm ý không rõ ràng, không hiển nhiên như sự thay đổi của Rūpa. Chỉ có sự thay đổi hiển nhiên, dễ thấy và dễ dàng nhận thấy được thì được nói đến ở đây. Cái mà thay đổi theo những nghịch duyên thì được gọi là Rūpa hay sắc pháp.

Rūpa tồn tại trong chúng sanh cũng như những vật bên ngoài. Rūpa có trong cơ thể của chúng ta. Rūpa có trong ngôi nhà, có trong cây cối và vân vân. Rūpa thì có cả nội và ngoại. Tôi lặp lại, Rūpa thì có cả trong chúng sanh và những vật bên ngoài, trong khi Citta và Cetasika chỉ sanh khởi trong chúng sanh mà thôi.

Rūpa không có khả năng nhận thức. Rūpa không biết gì hết. Các bạn có thể đập cái bàn và nó sẽ không có than phiền như, “Ồi, đau quá”. Một lần nữa, Rūpa không có khả năng nhận thức và không bất cảnh bởi vì chính nó là cảnh.

Có 28 loại sắc pháp được chấp nhận trong Abhidhamma. Tuy rằng có nhiều loại vật chất trong cơ thể của chúng ta, nhưng nếu chúng ta chia nhỏ chúng ra đến sự thật chân đế, chúng ta chỉ có 28 loại sắc pháp.

Chúng ta sẽ nghiên cứu sắc pháp trong chương thứ sáu (cũng xem CMA, VI, §1, p.234). Những sắc pháp có thể được so sánh với những nguyên tố trong hóa học. Có ai trong các bạn quen

thuộc với bản phân chia nguyên tố trong hóa học không? Ở đây có 28 sắc pháp. Chúng được liên kết bằng nhiều cách khác nhau như các nguyên tố hóa học. Chúng có thể được so sánh với các nguyên tố hóa học, nhưng không hoàn toàn giống như các nguyên tố hóa học.

Nibbāna

Loại sư thật chân đế thứ tư là Nibbāna. Đây là mục đích tối thượng của các Phật tử. “Summum Bonum” là gì? Có phải nó là cái tốt đẹp nhất, cái tối thượng không?

Học viên: Cái vĩ đại nhất.

Sayādaw: “Bonum” đến từ Bonafide phải không?

Nibbāna được định nghĩa là sự dập tắt tham, sân và si. Thật ra, đó là sự dập tắt tất cả những phiền não tinh thần. Điều này giống như sức khỏe hay sự hoà bình. Nhiều người không thích dùng những từ tiêu cực để diễn tả Nibbāna. Nhưng tôi nghĩ chúng ta không thể tránh dùng những từ tiêu cực được. Chúng ta không có ý nói Nibbāna là một trạng thái tiêu cực khi chúng ta dùng những từ tiêu cực để diễn tả nó. Chúng ta hãy lấy sức khỏe làm ví dụ vậy. Sức khỏe là cái gì? Không bệnh tật. Tự do khỏi bệnh tật hay không có bệnh tật thì được gọi là sức khỏe. Cho nên sức khỏe là một trạng thái tích cực, nhưng nó được miêu tả là sự vắng mặt của bệnh tật, sự vắng mặt của ốm yếu. Hoà bình cũng như vậy. Nibbāna là sự dập tắt tham, sân và si. Điều đó thật ra có nghĩa, Nibbāna là sự dập tắt tất cả những phiền não tinh thần.

Nibbāna cũng được miêu tả là sự giải phóng hay sự tự do khỏi khổ đau. Nói một cách khác đó là sự dập tắt tất cả khổ đau.

Nibbāna là pháp vô vi (không duyên khởi). Các bạn hãy chú ý điều này. Cách đây khoảng hai năm, có người đã đưa cho tôi một bài viết về Paṭicca-samuppāda. Trong bài viết này, tác giả đã nói là, “Nibbāna là hữu vi”. Tôi rất là ngạc nhiên. Bà ta đã nói, “Nibbāna thì không được cấu hợp thành, nhưng nó là được sanh lên do điều kiện”. Như vậy là không đúng. Bà ta đã không hiểu đúng ý nghĩa của từ Pāli “Sankhata”. Nibbāna được diễn tả là Asankhata. “A” nghĩa là không, cho nên không phải Sankhata. Sankhata được dịch là được cấu hợp thành bởi nhiều tác giả. Bà ta đã cho rằng đó là sự diễn tả chính xác. Cho nên bà ta đã chấp nhận rằng Nibbāna là không được cấu hợp thành. Nibbāna không phải là tổng hợp của bất cứ cái gì cả, nhưng bà ta lại nói Nibbāna không phải là vô vi (tức là Nibbāna được sanh lên do duyên khởi). Khi Đức Phật miêu tả Nibbāna, Ngài dùng từ “không được tạo thành”. Không được tạo thành và vô vi là giống nhau. Cùng với từ “Asankhata”, một từ nữa được dùng là “Akata”. “Akata” có nghĩa là không được tạo thành. Nibbāna chắc chắn là vô vi. Nibbāna không do duyên nào sanh lên cả. Chúng ta không thể nói là Nibbāna tồn tại, bởi vì nếu chúng ta nói Nibbāna tồn tại, thì chúng ta tương đồng nó với việc có sự khởi đầu và kết thúc. Kinh sách ghi nhận lại rằng, Nibbāna không có khởi đầu và không có kết thúc. Nibbāna là vô vi và Nibbāna không được cấu hợp bởi bất cứ thành phần nào.

Chúng ta không thể dùng ngôn ngữ hằng ngày để diễn tả Nibbāna một cách thỏa mãn và đầy đủ

được. Các bạn có biết câu chuyện ngụ ngôn giữa con cá và con rùa không? Một con rùa đi lên đất liền. Nó đi vòng vòng trên đất liền và rồi lại đi xuống nước và nói chuyện với con cá. Con cá hỏi con rùa là dạo gần đây nó làm gì? Con rùa trả lời như sau, “Tôi đi bộ trên đất liền và xem cây cỏ”. Con cá không hiểu cái đó là cái gì bởi vì nó chưa bao giờ lên đất liền. Chúng ta chưa bao giờ thấy Nibbāna. Cho nên chúng ta thật sự không thể hiểu được. Và hơn nữa, Nibbāna không thể được diễn tả đầy đủ bằng ngôn ngữ hàng ngày. Nó hoàn toàn vượt ra khỏi thế giới này. Chúng ta luôn luôn suy nghĩ về thế giới này, về sự tồn tại. Nhiều người nghĩ Nibbāna là một nơi hay là một cõi nào đó, để đi đến hay để đạt đến. Nếu chúng ta nói Nibbāna là sự đoạn diệt của tất cả khổ đau và điều đó có nghĩa là sự đoạn diệt của ngũ uẩn, các bạn có thể sẽ không muốn đi đến Nibbāna. Có thể các bạn không muốn chứng đạt Nibbāna bởi vì chúng ta luôn suy nghĩ về sự tồn tại. Nếu chúng ta sẽ biến mất và không trở thành một cái gì khác nữa, liệu các bạn có chấp nhận điều đó không? Bởi vì Nibbāna không thể được diễn tả bằng ngôn ngữ hàng ngày. Nibbāna được giải thích trong phần cuối cùng của chương thứ sáu trong cuốn Cẩm Nang này (cũng xem CMA, VI, 30, p.258). Nếu các bạn không kiên nhẫn, các bạn có thể đọc phần đó.

Tứ Diệu Đế Thì Thuộc Vào Những Sự Thật Chân Đế

Tứ Diệu Đế -- chúng ta đã nói về những sự thật, nhưng cho đến bây giờ chúng ta vẫn chưa nói đến Tứ Diệu Đế. Có lẽ các bạn muốn biết Tứ Diệu Đế liên quan đến bốn sự thật chân đế như thế nào. Khổ Đế là những Citta, những Cetasika và những Rūpa. Nói một cách chính xác theo Abhidhamma thì những Citta Siêu Thế không nằm trong Tứ Diệu Đế. Những Citta Siêu Thế thì không thuộc vào bất kỳ Diệu Đế nào. Tập Đế là cái gì? Đó là tham ái. Tham ái là một trong 52 sở hữu tâm (hay 52 Cetasika). Tập Đế là một Cetasika, đó là tham ái hay là sự dính mắc. Diệt Đế là sự chấm dứt khổ đau tức là Nibbāna. Đạo Đế, Con Đường Dẫn Đến Sự Chấm Dứt Khổ Đau hay đơn giản là Bát Chánh Đạo -- thì thuộc về cái nào? Bát Chánh Đạo chỉ là sự kết hợp của tám Cetasika, tám sở hữu tâm. Đạo Đế thuộc vào sự thật chân đế thứ hai. Tứ Diệu Đế thì được bao gồm trong bốn sự thật chân đế. Nó không phải là quan hệ một một. Khổ Đế thuộc vào sự thật chân đế thứ nhất, sự thật chân đế thứ hai và sự thật chân đế thứ ba vì nó bao gồm những Citta, những Cetasika và những Rūpa. Tập Đế thuộc vào sự thật chân đế thứ hai. Diệt Đạo là sự thật chân đế thứ tư và Đạo Đế thuộc vào sự thật chân đế thứ hai, những Cetasika. Cho nên Tứ Diệu Đế thì được bao gồm trong bốn sự thật chân đế.

Khi Đức Phật thuyết giảng, Ngài thuyết giảng bằng nhiều cách bởi vì mục đích của Ngài là để cho thính chúng hiểu và nhận ra sự thật. Cho nên, Ngài thuyết giảng bằng nhiều phương pháp khác nhau đối với những đối tượng khác nhau. Đó là lý do tại sao chúng ta có rất nhiều giáo lý, nhưng thật sự, những giáo lý này gặp nhau ở một nơi nào đó và giống nhau. Đức Phật có thể dùng từ “các uẩn” cho một nhóm thính chúng này. Đối với nhóm khác, Ngài có thể dùng từ “các giới” hay là “các vật”. Thật ra những từ này có nghĩa cùng một thứ. Ngài dạy Tứ Diệu Đế trong bài giảng pháp đầu tiên của mình -- Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế, Đạo Đế -- nhưng trong Abhidhamma, Ngài dạy bốn sự thật chân đế. Thật ra chúng là giống nhau.

Nếu các bạn có những câu hỏi nào thì hãy hỏi, chúng ta có chút thời gian.

Sādhū! Sādhū! Sādhū!

- Học viên: Thật khó hiểu rằng, Nibbāna thì vẫn Anatta.
Sayādaw: “Anatta” có nghĩa là không Atta. “Atta” có nghĩa là một tâm hồn hay là một vật thể thường hằng. Nó được dịch là tự ngã hay linh hồn hay là cái gì đó tương tự như vậy. Nibbāna thì không phải là linh hồn. Đó là lý do tại sao Nibbāna được gọi là Anatta. Nibbāna không có nguyên nhân. Nibbāna không phụ thuộc vào bất cứ điều kiện nào cả. Đó là lý do tại sao Nibbāna được gọi là vô vi bởi vì nó không được tạo thành do bất cứ nguyên nhân nào. Bởi vì không là Atta, cho nên Nibbāna được gọi là Anatta.
- Học viên: [Không nghe rõ].
Sayādaw: Chúng ta không thể nói Nibbāna là ở chỗ này hay Nibbāna là ở chỗ kia. Không có nơi nào cho Nibbāna cả. Nó là một cái gì đó giống như sức khỏe. Chúng ta có thể tận hưởng sức khỏe, nhưng đến lúc chúng ta định nghĩ nó, thì khó đấy. Sức khỏe là sự vắng mặt của bệnh hoạn. Nibbāna là sự vắng mặt của những phiền não tinh thần. Một lần nọ, một tu sĩ hỏi Ngài Sāriputta: “Nibbāna có cảm thọ không?” Thì Ngài Sāriputta nói, “Không.” Cho nên thật ra chúng ta không tận hưởng Nibbāna. Chúng ta có thể nói chúng ta trải nghiệm Nibbāna, nhưng chúng ta không thể nói là chúng ta tận hưởng nó. Chúng ta không tận hưởng cũng không gánh chịu. Nibbāna chỉ là một trạng thái yên bình.
- Học viên: Một vài người nói là Nibbāna là một trạng thái hư vô bởi vì bạn không có cảm giác gì cả. Vậy hai cái đó khác như thế nào? Chúng có phải là cùng một thứ không?
Sayādaw: Tôi không biết hư vô là cái gì.
- Học viên: Hư vô là một thuật ngữ triết học, có nghĩa là thu rút mọi thứ vào cái một trạng thái không có gì cả, không có cảm giác gì cả, số không.
Sayādaw: Kinh sách dạy rằng, khi một vị Phật hay một vị Arahant viên tịch, Ngài không còn tái sinh nữa. Điều đó có nghĩa là Ngài không còn hiện hữu nữa, Ngài không có sự sống nào nữa. Ngài biến mất. Tôi không biết các bạn có gọi cái đó là hư vô không. Bất chấp mọi người gọi nó là hư vô hay không, Nibbāna là Nibbāna. Các bạn có thể thích điều đó, hay các bạn có thể không thích điều đó. Đó là chuyện của các bạn. Nibbāna là Nibbāna. Đó là lý do tại sao tôi đã nói với các bạn là các bạn có thể không thích nó nếu các bạn thật sự biết Nibbāna là gì.
- Học viên: Có Citta ở trong Nibbāna không?
Sayādaw: Không. Nibbāna là một sự thật chân đế. Nếu có Citta trong Nibbāna, Nibbāna sẽ không là thường hằng. Nó sẽ là vô thường. Cho nên không có những Citta, những Cetasika hay những Rūpa trong Nibbāna. Nibbāna là một sự thật riêng biệt.

- Học viên: Giả sử chúng ta có ba cái chậu nước, một mát, một vừa và một ấm. Rồi thì chúng ta nhúng một tay vào chậu nước mát và một tay vào chậu nước ấm. Sau đó chúng ta đặt cả hai tay vào chậu nước vừa. Một tay sẽ cảm thấy mát và một tay sẽ cảm thấy ấm. Cái đó có thể là một ảo giác. Trong trường hợp này, khó có thể nói cái gì là thật và cái gì là không thật.
- Sayādaw: Khi các bạn cảm giác nóng hay lạnh, cái sự thật chân đế là cái cảm thọ, chứ không phải là bàn tay của các bạn. Cảm thọ là cảm thọ. Nó có đặc tính là trải nghiệm đối tượng. Đối tượng có thể là nóng hay là lạnh, nhưng các bạn cảm giác nó; các bạn trải nghiệm nó. Cái kinh nghiệm đó là cái mà chúng ta gọi là cảm thọ. Cảm thọ không thay đổi. Cảm thọ là cảm thọ. Đặc tính của cảm thọ không thể bị thay đổi. Đó là một cách diễn tả về sự thật chân đế. Có những sự thật chân đế là vô thường.¹¹ Mỗi thời điểm chúng sanh và diệt, sanh và diệt. Tuy rằng chúng luôn luôn sanh và diệt, nhưng bản chất nội tại của chúng không thay đổi. Ví dụ, tâm thức là sự nhận biết cảnh. Nó luôn luôn là sự nhận biết cảnh. Nó không thay đổi từ điều đó sang một điều nào khác. Đó là cái chúng ta gọi là sự thật chân đế.
- Học viên: Ngài có nói là những Cetasika phải có cùng cảnh với Citta. Tôi chỉ muốn xác nhận rằng cảnh pháp cũng được bao gồm trong đó.
- Sayādaw: Cảnh pháp -- đúng, tất cả các cảnh.
- Học viên: Những Cetasika cần có Citta để sanh khởi. Đổi ngược lại -- chúng ta có thể có Citta sanh khởi mà không có những Cetasika không?
- Sayādaw: Không. Những Citta và những Cetasika sanh lên cùng với nhau. Chúng luôn luôn sanh lên cùng với nhau cùng một lúc. Chỉ khi nào có Citta, chúng mới có thể sanh lên cùng với nhau. Chỉ khi nào có một sự xúc chạm với cảnh, mới có sự trải nghiệm cảnh, sự cảm thọ cảnh, sự dính mắc vào cảnh và vân vân. Đó là lý do tại sao chúng phụ thuộc vào Citta, nhưng chúng phải khởi sanh lên cùng một lần. Nó giống như thế này (Sayādaw vỗ tay.). Âm thanh này phụ thuộc vào sự va chạm của hai bàn tay. Sự va chạm của hai bàn tay và âm thanh sinh lên cùng một lúc. Chúng ta nói, có âm thanh bởi vì sự va chạm của hai lòng bàn tay. Âm thanh không sanh lên sau, mà là sanh lên cùng một lúc với sự va chạm của hai lòng bàn tay. Tương tự như vậy, khi tâm thức sanh lên, thì những Cetasika sanh lên cùng với Citta.
- Học viên: Chúng ta có luôn luôn cần phải có những Cetasika với Citta không?
- Sayādaw: Chúng ta không nói là Citta cần những Cetasika để sanh lên, nhưng chúng luôn luôn sanh lên cùng với nhau. Bởi vì sự sanh khởi của những Cetasika phụ thuộc vào Citta, chúng ta nói là những Cetasika phụ thuộc vào Citta. Mặc dầu chúng phụ thuộc vào Citta, nhưng chúng sanh lên cùng với Citta, như cái ví dụ về âm thanh. Có một sự giải thích rằng những Cetasika không thể sanh lên mà không

¹¹ Nếu chuyển dịch nguyên văn, nó phải là "Những sự thật chân đế là vô thường." Nhưng trong văn cảnh, chúng tôi hiểu ý của Sayādaw. Cho nên để tránh hiểu lầm, chúng ta mạng phép dịch thoáng như vậy.

nương vào những Citta. Điều đó cũng đúng cho những Citta. Những Citta sanh lên cùng với những Cetasika. Những Citta không sanh lên một mình. Bất cứ lúc nào những Citta sanh lên, những Cetasika cũng sanh lên. Nó giống như là các bạn cùng làm một cái gì đó chung với nhau. Một người là người dẫn đầu. Những người còn lại là những người đi theo. Các bạn cùng đi với nhau, nhưng các bạn phụ thuộc vào người dẫn đầu.

Học viên: Chúng ta không thể có người dẫn đầu mà lại không có người đi theo.

Học viên: Paññatti được nói là vượt thời gian. Vậy nó có cũng là vô vi không?

Sayādaw: Paññatti là vô vi. Các bạn biết không, thật ra, Paññatti không là cái gì cả. Nó chỉ là sự sáng tạo của trí óc của các bạn. Đó là lý do tại sao chúng ta không thể nói là chúng sanh lên hay chúng biến mất. Các bạn biết không, Đức Phật đã là một Bodhisatta hàng triệu kiếp. Khi Ngài phát nguyện làm Bodhisatta lần đầu tiên hay khi mà Ngài được thọ ký là Ngài sẽ thành một vị Phật, tên của Ngài là Sumedha. Cái tên đó đã được nhớ bởi nhiều người trong một khoảng thời gian dài. Rồi cái tên đó biến mất. Có lẽ nó đã bị lãng quên trong nhiều kiếp trái đất. Rồi thì Ngài đã trở thành Phật Gotama. Ngài đã nhắc lại câu chuyện làm Bodhisatta. Và cái tên Sumedha lại xuất hiện. Cho nên trong Abhidhamma, danh chế định được nói là vượt thời gian.

[Kết Thúc Phần Giới Thiệu]